

Pháp Nhiên Thượng Nhân
Thích Tịnh Nghiêm dịch Hán Việt

Tuyển Trạch Bản Nguyện
Niệm Phật Tập
法然上人
選擇本願念佛集

Tường Quang Tùng Thư 5
Tái bản lần thứ nhất
Phật Lịch 2552 – TL 2008

Mục Lục

Tuyển Trách Bốn Nguyên Niệm Phật Tập

Chương Một: Hai Môn

Chương Hai: Hai Hạnh

Chương Ba: Bốn Nguyên

Chương Bốn: Ba Hạng Người

Chương Năm: Lợi Ích

Chương Sáu: Đặc Lưu

Chương Bảy: Thâu Nhiếp

Chương Tám: Ba Tâm

Chương Chín: Tứ Tu

Chương Mười: Hóa Phật Tán Thán

Chương Mười Một: Tán Thán Niệm Phật

Chương Mười Hai: Phó Chúc Niệm Phật

Chương Mười Ba: Nhiều Thiện Căn

Chương Mười Bốn: Chư Phật Chứng Thành

Chương Mười Lăm: Hộ Niệm

Chương Mười Sáu: Ân Cần Phó Chúc

Niệm Phật Tông Yếu

Lời Mở Đầu

Tiểu sử Pháp Nhiên Thượng Nhân

Chánh Văn

Di Huấn của Pháp Nhiên Thượng Nhân

Tối Hậu Di Huấn

Lời Bạt

Danh Sách Ấn Tổng

Nam mô A Di Đà Phật

Niệm Phật là căn bản của sự vãng sinh

Chương Một

Hai Môn

Ngài Đạo Xước thiên sư lập hai môn Thánh Đạo và Tịnh Độ, sau đó bỏ Thánh Đạo mà quay về Tịnh Độ.

An Lạc Tập quyển thượng nói: “Hỏi: Tất cả chúng sinh đều có Phật tính, từ xưa đến nay, ắt đã gặp nhiều Đức Phật, thế nhưng tại sao vẫn luân hồi sinh tử, chưa được ra khỏi nhà lửa?”

Đáp: Y vào thánh giáo Đại thừa mà nói, lý do là vì chúng sinh không được hai pháp thù thắng để diệt trừ sinh tử, cho nên không thể ra khỏi nhà lửa. Hai pháp này là gì? Một là Thánh đạo, hai là vãng sinh Tịnh độ. Pháp tu Thánh đạo, hiện nay rất khó chứng đắc, điều này có hai lý do, một là vì thời đại đã cách Phật rất lâu xa, hai là do nghĩa lý Đại thừa sâu xa khó hiểu. Đại Tập Nhật Tạng Kinh có nói: “Trong thời mạt pháp, có ực ực chúng sinh phát tâm tu hành, nhưng có rất ít người đắc đạo.”

Đời mạt pháp hiện nay là đời ác ngũ trược, chỉ có pháp môn Tịnh Độ là con đường dễ vào đạo. Bởi thế, Vô Lượng Thọ Kinh nói: ***“Nếu có chúng sinh, dù là cả đời tạo ác, giả sử lúc lâm chung, niệm danh hiệu của ta mười lần liên tiếp, nếu như không được vãng sinh, ta thế không giữ ngôi Chánh Giác.”***

Lại nữa, tất cả chúng sinh đều không tự lượng sức mình, nếu luận về chân như thực tướng, đệ nhất nghĩa không của Đại thừa, bọn họ đều chưa từng để tâm đến, còn nếu luận về sự kiến đế tu đạo, nhãn đến chứng quả A na hàm, A la hán, đoạn trừ năm phiền não lợi sử, năm phiền não độn sử, 1 thì tất cả người xuất gia, tại gia đều không có phần. Giả sử có được quả báo trời người, đều là do sự hành trì ngũ giới thập thiện chiêu cảm, thế nhưng ít có người trì giới đến chỗ viên mãn; còn nếu luận về sự làm ác tạo nghiệp, thì thế lực chẳng khác gì mưa to gió lớn. Bởi lý do này, chư Phật đều đại từ đại bi, khuyên nhắc chúng sinh vãng sinh Tịnh Độ. Cho dù cả đời tạo ác, chỉ cần chuyên tâm tinh tấn, thường thường Niệm

Phật, thì tất cả chướng ngại, tự nhiên sẽ được tiêu trừ, quyết định sẽ được vãng sinh. Tại sao mọi người không chịu suy ngẫm, mà phát tâm cầu vãng sinh!

Lời bàn: Trong sự phán định giáo pháp của Đức Thế Tôn, lập trường của các tông phái không giống nhau. Chẳng hạn như Hữu Tướng Tông (Duy Thức Tông) lập ba thời giáo là Hữu tông, Không tông và Trung đạo tông; Vô Tướng Tông (Tam Luận Tông) lập hai thời giáo là Bồ tát giáo và Thanh văn giáo; Hoa Nghiêm Tông (Hiền Thủ Tông) lập năm thời giáo là Tiểu thừa giáo, Đại thừa thí giáo, chung giáo, đốn giáo và viên giáo; Pháp Hoa Tông (Thiên Thai Tông) thiết lập bốn thời giáo là Tạng giáo, Thông giáo, Biệt giáo, Viên giáo, và năm mùi vị là Nhũ, Lạc, Sinh tô, Thục tô và Đề hồ; Chân Ngôn Tông thiết lập hai thời giáo là Hiện giáo và Mật giáo. Hiện nay, Tịnh Độ Tông, theo bốn ý của Đạo Xước Thiên Sư, sẽ thiết lập hai môn: Thánh Đạo và Tịnh Độ, để phán định giáo pháp của Phật.

Hỏi: Việc lập tên tông phái, vốn là do các tông như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, v.v..., phán định. Chưa từng nghe các hành giả Tịnh độ lập tên của tông phái mình. Hiện nay, việc lập tên Tịnh Độ Tông này có chứng cứ gì không?

Đáp: Tên Tịnh Độ Tông, chứng cứ không phải ít, như ngài Nguyên Hiếu trong Du Tâm An Lạc Đạo nói: “Bốn ý của Tịnh Độ Tông là vốn vì phàm phu, kiêm vì thánh nhân”, ngài Từ Ân trong Tây Phương Yếu Quyết nói: “Y vào tông này”, hơn nữa, ngài Ca Tài trong Tịnh Độ Luận cũng nói: “Tông này, theo ý của tôi, là con đường trọng yếu”. Những chứng cứ như vậy, thật không còn nghi ngờ gì nữa. Thế nhưng, ý chính ở đây, không phải bàn luận về sự phán lập giáo nghĩa của các tông phái, mà muốn nói sơ lược về hai môn của Tịnh Độ Tông, tức là Thánh đạo và Tịnh độ.

A/ Thánh Đạo: Ở đây có hai phân, một là Tiểu thừa, hai là Đại thừa.

Trong Đại thừa, có Hiện Giáo, Mật Giáo, Quyền Giáo, Thục Giáo khác nhau. Đại thừa Hiện Giáo và Đại thừa Quyền giáo, trên nguyên tắc, tu tập những công hạnh dài lâu để thành Phật. Còn như

chủ trương có thể tu tập trong một đời thành tựu, thì chỉ có Đại thừa Mật giáo và Đại thừa Thực giáo (Viên giáo). Mục đích của tập sách này là nhấn mạnh đến chân nghĩa của Mật giáo và Thực giáo. Tám tông phái như Chân Ngôn, Phật Tâm (Thiền), Thiên Thai, Hoa Nghiêm, Tam Luận, Pháp Tướng, Địa Luận, Nhiếp Luận đều có cùng quan điểm này.

Trong Tiểu Thừa, tất cả kinh luật luận đều nói về con đường tu tập để đoạn trừ phiền não, thấu rõ chân lý, chứng đắc thánh quả. Theo đây luận đoán, giáo lý Tiểu Thừa chỉ có thể bao hàm các tông phái như Luật Tông, Câu Xá và Thành Thực.

Một cách khái quát, bốn ý của Thánh Đạo Môn, bất luận Đại thừa hay Tiểu thừa, đều là ở tại thế giới Ta Bà này tu tập để chứng đắc đạo quả của bốn Thừa. Bốn Thừa, nghĩa là ngoài ba Thừa (Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát), còn thêm Phật Thừa.

B/ Tịnh Độ: Trong đây có hai phần, (1) nói trực tiếp giáo nghĩa Tịnh Độ, (2) nói gián tiếp giáo nghĩa Tịnh Độ.

1/ Nói trực tiếp giáo nghĩa Tịnh Độ: Có ba bộ kinh và một bộ luận. Ba bộ kinh là Vô Lượng Thọ Kinh, Quán Vô Lượng Thọ Kinh, và A Di Đà Kinh, còn một bộ luận là Vãng Sinh Luận của ngài Thế Thân.

Hỏi: Gọi Ba bộ kinh, còn có trường hợp nào khác không?

Đáp: Gọi Ba bộ kinh, có nhiều trường hợp: (a) Ba bộ kinh Pháp Hoa, tức là Vô Lượng Nghĩa Kinh, Pháp Hoa Kinh và Phổ Hiền Quán Kinh; (2) Ba bộ kinh Đại Nhật, tức là Đại Nhật Kinh, Kim Cang Đỉnh Kinh và Tô Tất_Địa Kinh; (3) Ba bộ kinh trấn thủ bảo hộ quốc gia, tức là Pháp Hoa Kinh, Nhân Vương Kinh và Kim Quang Minh Kinh; (4) Ba bộ kinh Di Lạc, tức là Di Lạc Thượng Sinh Kinh, Di Lạc Hạ Sinh Kinh và Di Lạc Đại Thành Phật Kinh. Hiện nay ba bộ kinh A Di Đà là ba bộ kinh chính yếu của Tịnh Độ Tông.

2/ Nói gián tiếp giáo nghĩa Tịnh Độ: Những bộ kinh như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Tùy Cầu (Phật Thuyết Tùy Cầu Tức Đắc Đại

Tự Tại Đà La Ni Thân Chú Kinh), v.v..., đều có nêu rõ các công hạnh vãng sinh Tịnh Độ. Lại còn có các bộ luận như Khởi Tín Luận, Bảo Tánh Luận, Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận, Nhiếp Đại Thừa Luận, v.v..., cũng đều nêu rõ các công hạnh vãng sinh Tịnh Độ.

Trong tập sách này, bốn ý của sự thiết lập hai môn Thánh Đạo và Tịnh Độ là muốn cho chúng sinh bỏ Thánh Đạo Môn, theo Tịnh Độ Môn. Điều này có hai lý do: (1) do vì cách xa đời Phật, (2) do vì giáo lý thâm sâu khó hiểu. Trong Tịnh Độ Tông, thiết lập hai môn, không chỉ có ngài Đạo Xước, mà các ngài Đàm Loan, Thiên Thai, Ca Tài, Từ Ân, v.v..., cũng có cùng quan điểm. Hơn nữa, Vãng Sinh Luận Chú của ngài Đàm Loan nói:

“Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận của ngài Long Thọ nói: “Bồ tát cầu A bệ bạt trí, có hai con đường, một là Đường khó đi (Hán: nan hành đạo), hai là Đường dễ đi (Hán: dị hành đạo).

Đường khó đi, nghĩa là ở trong đời ác năm trước, lúc không có Phật, cầu A bệ bạt trí là khó, sự khó khăn này có nhiều phương diện, một là pháp thiện của ngoại đạo làm loạn pháp tu của Bồ tát, hai là sự tự lợi của hàng Thanh văn làm chướng ngại tâm đại từ bi, ba là những kẻ ác vô cớ phá hoại thắng đức của người khác, bốn là quả báo thiện điên đảo, có thể phá hoại phạm hạnh, năm là chỉ có tự lực, không có tha lực hộ trì. Những việc như vậy, chỗ nào cũng có, ví như đường lộ, lợi bộ ắt là khổ nhọc.

Đường dễ đi, nghĩa là chỉ cần nhờ nhân duyên Niệm Phật, nguyện sinh Tịnh Độ, nhờ nguyện lực của Phật, sẽ được vãng sinh cõi Phật thanh tịnh. Nhờ Phật lực gia trì, sẽ tiến nhập vào giai bậc chính định tu, chính định tức là A bệ bạt trí, ví như đường thủy, đi thuyền ắt là vui sướng.”

Ở đây, Đường khó đi, tức là Thánh Đạo Môn, còn Đường dễ đi, tức là Tịnh Độ Môn. Khó đi Dễ đi, Thánh Đạo Tịnh Độ, tên gọi tuy khác, ý nghĩa tương đồng. Nên biết, hai ngài Thiên Thai và Ca Tài cũng có cùng quan điểm. Tây Phương Yếu Quyết nói:

“Đức Thích Ca khai sáng Phật giáo, hoàng dương lợi ích chúng sinh, tùy nơi chốn mà xiển dương giáo nghĩa, rưới nước pháp mầu,

làm cho chúng sinh được độ hóa, chúng ngộ ba Thừa, đối với những người ít phước mỏng duyên, thì khuyên họ vãng sinh Tịnh Độ. Người tu Tịnh Độ phải chuyên niệm A Di Đà, tất cả những thiện căn, đều phải hồi hướng về Tịnh Độ. Bốn nguyện của Đức A Di Đà là thế độ tất cả chúng sinh cõi Ta Bà, từ người chuyên tâm tu tập cả đời, nhân đến người lúc lâm chung chỉ niệm mười danh hiệu, đều được quyết định vãng sinh Tịnh Độ.”

Hơn nữa, lời bạt của Tây Phương Yếu Quyết cũng nói: “*Do vì sinh vào đời tượng pháp, cách xa đời Phật, nếu tu hạnh của Tam Thừa, khó mà khế ngộ. Hai cõi trời người xao động bất an, chỉ có những bậc Bồ tát đại trí đại từ mới có thể ở lâu trong sinh tử. Nếu như kiến giải mê ám, công hạnh nông cạn, e rằng sẽ bị đọa lạc ba đường ác, bởi thế, phải nên lià bỏ Ta Bà, cầu sinh Tịnh Độ.”*

Ở đây, nói Tam Thừa, ý muốn chỉ Thánh Đạo Môn, còn nói Tịnh Độ, là muốn chỉ Tịnh Độ Môn. Tam Thừa Tịnh Độ, Thánh Đạo Tịnh Độ, tên gọi tuy khác, ý nghĩa tương đồng. Các hành giả Tịnh Độ, trước tiên phải biết ý chỉ này. Giả như trước đó tuy đã học Thánh Đạo Môn, nếu có chí hướng cầu sinh Tịnh Độ, ***nên bỏ Thánh Đạo, cầu sinh Tịnh Độ.*** Chẳng hạn, ngài Đàm Loan bỏ sự giảng thuyết bốn bộ luận², ngài Đạo Xước bỏ việc giảng giải Kinh Niết Bàn mà nhất ý hoằng dương Tịnh Độ. Các bậc hiền triết khi xưa đã từng như thế, lẽ nào những kẻ ngu độn thô thiển mà lại không chịu tuân hành!

Hỏi: Các tông phái Thánh Đạo Môn đều có sự truyền thừa từ đời này qua đời khác, chẳng hạn, Thiên Thai Tông, truyền từ ngài Huệ Văn, đến các ngài Nam Nhạc, Thiên Thai, Chương An, Trí Uy, Tuệ Uy, Huyền Lãng, Trạm Nhiên; Chân Ngôn Tông, truyền từ Đức Đại Nhật Như Lai đến các ngài Kim Cang Tát Đỏa, Long Thọ, Long Trí, Kim Trí, Bất Không. Các tông phái khác cũng có sự truyền thừa. Hiện nay Tịnh Độ Tông có sự truyền thừa như thế hay không?

Đáp: Giống như Thánh Đạo Môn, Tịnh Độ Tông cũng có sự truyền thừa; thế nhưng đối với sự truyền thừa của Tịnh Độ Tông, các học giả có những quan điểm không đồng, chẳng hạn như hệ phái của ngài Lô Sơn Tuệ Viễn Pháp Sư, hệ phái của ngài Từ Mẫn

Tam Tạng, hoặc hệ phái của ngài Đạo Xước, Thiện Đạo, v.v... Nay y theo hệ phái của ngài Đạo Xước, Thiện Đạo mà luận về sự truyền thừa. Điều này có hai giả thuyết: (1) Bồ Đề Lưu Chi Tam Tạng, Tuệ Sùng Pháp Sư, Đạo Trường Pháp Sư, Đàm Loan Pháp Sư, Đại Hải Thiên Sư, Pháp Thượng Pháp Sư (trích từ An Lạc Tập), (2) Bồ Đề Lưu Chi Tam Tạng, Đàm Loan Pháp Sư, Đạo Xước Thiên Sư, Thiện Đạo Thiên Sư, Hoài Cảm Pháp Sư, Thiếu Khang Pháp Sư (trích từ Cao Tăng Truyện đời Đường và đời Tống).

Chương Hai

Hai Hạnh

Thiện Đạo Hòa Thượng thiết lập hai hạnh chánh và tập, mục đích là muốn hành giả bỏ tập hạnh, tu chánh hạnh.

Quán Kinh Sớ quyển bốn nói: Từ công hạnh thiết lập tín tâm, thế nhưng công hạnh có hai loại, một là chánh hạnh, hai là tập hạnh.

Chánh hạnh, tức là y chỉ vào các kinh Vãng sinh mà tu tập. Đây là thế nào? Một là nhất tâm chuyên tụng Quán Kinh, A Di Đà Kinh, Vô Lượng Thọ Kinh, v.v..., hai là nhất tâm chuyên chú suy ngẫm, quán sát, ức niệm sự trang nghiêm của chánh báo và y báo của cõi Cực Lạc, ba là nếu như lễ lạy, thì chỉ chuyên tâm lễ lạy Đức Phật A Di Đà, bốn là nếu như xưng danh, thì chỉ nên nhất tâm xưng tán danh hiệu của Đức Phật A Di Đà, năm là nếu như tán thán cúng dường, thì chỉ nên nhất tâm tán thán cúng dường Đức Phật A Di Đà. Đây gọi là chánh hạnh!

Lại nữa, trong phân chánh hạnh, lại có hai loại, một là nhất tâm chuyên niệm danh hiệu Đức A Di Đà, đi đứng nằm ngồi, bất luận thời gian dài ngắn, niệm niệm không quên, đây gọi là nghiệp chánh, thuận theo bốn nguyện của Đức A Di Đà. Còn như lạy Phật, tụng kinh, v.v..., thì gọi là nghiệp phụ. Ngoại trừ hai nghiệp chánh, phụ này ra, tất cả các hạnh lành khác đều gọi là tập hạnh.

Nếu tu hai nghiệp chánh, phụ, thì tâm thường thân cận Đức A Di Đà, nghĩ nhớ không gián đoạn, đây gọi là tâm không gián đoạn. Nếu như tu tập tập hạnh, thì tâm sẽ thường gián đoạn, tuy có thể

hồi hướng vãng sinh, nhưng gọi là hạnh tạp nhạp.

Lời bàn: Đoạn văn này có hai ý, một là nêu rõ hành tướng của sự vãng sinh, hai là phán định sự được, mất của hai hạnh chánh và phụ.

(A) Nêu rõ hành tướng của sự vãng sinh: Theo ý của Hòa thượng Thiên Đạo, công hạnh vãng sinh tuy nhiều, có thể chia làm hai loại, (1) chánh hạnh, và (2) tạp hạnh.

(1) Chánh hạnh. Ở đây có hai nghĩa khai và hợp. Trước tiên, khai làm năm loại, sau đó hợp thành hai loại.

i/ Khai làm năm loại, tức là (a) chánh hạnh đọc tụng, (b) chánh hạnh quán sát, (c) chánh hạnh lễ bái, (d) chánh hạnh xưng danh, (e) chánh hạnh tán thán cúng dường.

a/ Chánh hạnh đọc tụng: Chỉ đọc tụng Quán Kinh, v.v..., tức là như văn đã nói: “Nhất tâm chuyên tụng Quán Kinh, A Di Đà Kinh, Vô Lượng Thọ Kinh, v.v...”.

b/ Chánh hạnh quán sát: Chuyên tâm quán sát y báo, chánh báo của cõi Cực Lạc, tức là như văn đã nói: “Nhất tâm chuyên chú suy ngẫm, quán sát, ức niệm sự trang nghiêm của chánh báo và y báo của cõi Cực Lạc”.

c/ Chánh hạnh lễ bái: Chỉ lễ lạy Đức A Di Đà, tức là như văn đã nói: “Nếu như lễ lạy, thì chỉ chuyên tâm lễ lạy Đức Phật A Di Đà”.

d/ Chánh hạnh xưng danh: Chuyên niệm danh hiệu Phật A Di Đà, tức là như văn đã nói: “Nếu như xưng danh, thì chỉ nên nhất tâm xưng tán danh hiệu của Đức Phật A Di Đà”.

e/ Chánh hạnh tán thán cúng dường: Chỉ tán thán, cúng dường Đức A Di Đà, tức là như văn đã nói: “Nếu tán thán, cúng dường, thì chỉ nên nhất tâm tán thán, cúng dường Đức Phật A Di Đà, đây gọi là chánh hạnh”.

Nếu chia “tán tán cúng dường” ra làm hai, thì sẽ có sáu loại chánh hạnh. Hiện nay hợp làm một, thành thử chỉ có năm loại.

ii/ Hợp làm hai loại, tức là (a) nghiệp chánh, (b) nghiệp phụ.

a/ Nghiệp chánh. Trong năm chánh hạnh trên, hạnh thứ tư “xưng danh” là nghiệp chánh, như trong văn nói: “Nhất tâm chuyên niệm danh hiệu Đức A Di Đà, đi đứng nằm ngồi, bất luận thời gian dài ngắn, niệm niệm không quên, đây gọi là nghiệp chánh, thuận theo bốn nguyện của Đức A Di Đà”.

b/ Nghiệp phụ. Ngoại trừ xưng danh, các hạnh còn lại như đọc tụng, v.v..., đều là nghiệp phụ, như văn có nói: “Các hạnh như lay Phật, tụng kinh, v.v..., đều gọi là nghiệp phụ”.

Hỏi: Tại sao trong năm loại, chỉ có *xưng danh niệm Phật* được coi là nghiệp chánh?

Đáp: Đây là thuận theo bốn nguyện của Đức Phật A Di Đà, ý muốn nói xưng danh chính là bốn nguyện của Đức Phật A Di Đà, cho nên người tu nương vào bốn nguyện của Đức Phật A Di Đà, ắt sẽ vãng sinh Cực Lạc. Ý nghĩa của bốn nguyện, phía dưới sẽ nói rõ.

(2) Tạp hạnh. Như văn nói: “Ngoại trừ hai hạnh chánh và phụ này, tất cả hạnh lành khác đều gọi là tạp hạnh”, ý muốn nói tạp hạnh nhiều vô lượng, không thể nói hết, thế nhưng ở đây nói đến năm loại chánh hạnh là để nêu lên năm loại tạp hạnh.

a/ Tạp hạnh đọc tụng: Ngoại trừ các kinh Tịnh Độ, như Quán Kinh, v.v..., còn nếu đọc tụng thọ trì các loại kinh Đại, Tiểu thừa, hoặc Hiền, hoặc Mật, đều gọi là tạp hạnh đọc tụng.

b/ Tạp hạnh quán sát: Ngoại trừ y báo, chánh báo của cõi Cực Lạc, còn tất cả những quán hạnh, hoặc sự hoặc lý, hoặc Đại thừa, hoặc Tiểu thừa, hoặc Hiền, hoặc Mật, đều gọi là tạp hạnh quán sát.

c/ Tập hạnh lễ bái: Ngoại trừ lễ bái Đức A Di Đà, còn lễ bái cung kính chư Phật Bồ tát khác, nhấn đến các vị trời thế gian, đều gọi là tập hạnh lễ bái.

d/ Tập hạnh xưng danh: Ngoại trừ xưng danh Đức A Di Đà, còn xưng danh chư Phật Bồ tát khác, nhấn đến danh hiệu của các vị trời thế gian, đều gọi là tập hạnh xưng danh.

e/ Tập hạnh tán thán cúng dường: Ngoại trừ tán thán cúng dường Đức A Di Đà, còn tán thán cúng dường chư Phật Bồ tát khác, nhấn đến các vị trời thế gian, đều gọi là tập hạnh tán thán cúng dường.

(B) Phán định sự hơn, kém của hai hạnh: “Nếu như tu tập hai hạnh chánh, phụ, tâm thường gần gũi Đức A Di Đà, nhớ tưởng không nguôi, đây gọi là hạnh không gián đoạn. Nếu như tu tập hạnh, tuy cũng có thể hồi hướng vãng sinh, thế nhưng tâm thường gián đoạn, đây gọi là hạnh tạp nhạp”.

Theo ý của đoạn văn vừa nói, đối với hai hạnh chánh tạp này, có năm cặp đối: (1) thân, sơ, (2) gần, xa, (3) gián đoạn, không gián đoạn, (4) hồi hướng, không hồi hướng, (5) thuần, tạp.

(1) Thân, sơ: Trước tiên, thân (thân thiết), nghĩa là hành giả tu hai hạnh chánh, phụ, sẽ rất thân thiết với Đức Phật A Di Đà, cho nên Quán Kinh Sớ nói: “Chúng sinh khởi tâm tu hành, miệng thường niệm Phật, Phật ắt nghe thấy, thân thường lạy Phật, Phật ắt nhìn thấy, tâm thường nghĩ Phật, Phật ắt biết rõ. Chúng sinh nghĩ Phật, nhớ Phật, Phật cũng nghĩ chúng sinh, nhớ chúng sinh. Ba nghiệp của đôi bên, không xa cách nhau.” Bởi thế, nên gọi là thân thiết. Kế đến, sơ (xa cách), nghĩa là tu tạp hạnh. Chúng sinh không niệm Phật, Phật không nghe thấy, thân không lạy Phật, Phật không nhìn thấy, tâm không nghĩ Phật, Phật không hay biết. Chúng sinh không nghĩ Phật, nhớ Phật, Phật cũng không nghĩ chúng sinh, nhớ chúng sinh. Ba nghiệp của đôi bên, thường cách biệt nhau, bởi thế nên gọi là xa cách.

(2) Gần, xa (Hán: viễn cận): Trước tiên, gần, tức là tu hai hạnh chánh, phụ, thì sẽ gần gũi Đức Phật A Di Đà, Quán Kinh Sớ nói:

“Chúng sinh nguyện thấy Phật, Phật liền đáp ứng, hiện ra trước mặt”, cho nên gọi là gần. Kế đến, xa, tức là tu tạp hạnh. Chúng sinh không nguyện thấy Phật, Phật không đáp ứng, không hiện ra trước mặt, cho nên gọi là xa.

Ý nghĩa của thân và gần, tuy có vẻ giống nhau, thế nhưng, theo ý của ngài Thiện Đạo là chia làm hai trường hợp khác nhau. Ý chỉ này được nói rõ trong Quán Kinh Sớ, bởi thế, ở đây dẫn ra để giải thích.

(3) Gián đoạn, không gián đoạn: Trước tiên, *không gián đoạn*, nghĩa là tu hai hạnh chánh, phụ, thì sẽ nghĩ nhớ Đức Phật A Di Đà không gián đoạn, cho nên gọi là *tâm không gián đoạn*. Kế đến, gián đoạn, nghĩa là tu tạp hạnh, thì ít nghĩ nhớ đến Đức Phật A Di Đà, cho nên gọi là *tâm thường gián đoạn*.

(4) Hồi hướng, không hồi hướng: *Không hồi hướng*, nghĩa là nếu tu hai hạnh chánh, phụ, thì không cần phải hồi hướng, mà tự nhiên trở thành nghiệp vãng sinh, cho nên Quán Kinh Sớ nói: Trong Quán Kinh, niệm mười danh hiệu Phật, tức là có đủ mười nguyện, mười hạnh. Niệm “A Di Đà Phật” tức là hạnh, do ý nghĩa này “ắt sẽ được vãng sinh”. Kế đến, hồi hướng, nghĩa là nếu tu tạp hạnh, cần phải hồi hướng thì mới thành nghiệp vãng sinh, nếu không hồi hướng, thì sẽ không trở thành nhân duyên cho sự vãng sinh, cho nên nói: “Tuy có thể hồi hướng vãng sinh”.

(5) Thuần, tạp: Trước tiên, thuần, nghĩa là tu hai hạnh chánh, phụ là hạnh thuần nhất để vãng sinh Cực Lạc, còn tu tạp hạnh, thì không phải là hạnh thuần nhất để vãng sinh Cực Lạc, mà là hạnh nghiệp chung cho trời người, ba Thừa, và sự vãng sinh các cõi Tịnh Độ ở mười phương, cho nên gọi là tạp. Bởi lý do này, các hành giả Cực Lạc cần phải bỏ tạp hạnh, tu chánh hạnh.

Hỏi: Ý nghĩa “thuần, tạp” này, trong các kinh điển khác, có chứng cứ hay không?

Đáp: Kinh luận Đại, Tiểu thừa, thiết lập hai môn thuần, tạp, trường hợp này không phải chỉ có một. Trong tám tạng của Đại thừa, có một tạng gọi là tạp, bảy tạng kia là thuần. Luật tạng có hai mươi

kiền độ, mười chín kiền độ đầu là thuần, kiền độ cuối là tạp. Hai bộ Đường và Tống Cao Tăng Truyện đều lập mười phần, chín phần đầu là thuần, còn phần cuối là tạp. Đại Thừa Nghĩa Chương có năm tụ pháp môn, bốn tụ đầu là thuần, tụ cuối là tạp. Không những Hiền giáo, trong Mật giáo cũng có pháp thuần, tạp. Chẳng hạn như Phật Pháp Huyết Mạch Phổ của Sơn Gia Phái nói: “Thứ nhất, một bức Thai Tạng Giới Mạn Đà La Huyết Mạch Phổ, thứ hai, một bức Kim Cang Giới Mạn Đà La Huyết Mạch Phổ, thứ ba, một bức Tạp Mạn Đà La Huyết Mạch Phổ. Hai bức đầu là thuần, bức cuối là tạp”.

Chúng có về thuần tạp tuy nhiều, ở đây chỉ đề cập một ít mà thôi. Nên biết ý nghĩa của thuần tạp, tùy thuộc vào pháp, không có ý nghĩa nhất định. Ở đây chúng ta dựa vào bốn ý của Hòa thượng Thiện Đạo, trên phương diện hành trì Tịnh Độ, mà bàn luận vấn đề thuần tạp. Hơn nữa, tên gọi thuần tạp này, không hạn cục trong nội điển, hoặc ngoại điển, mà có rất nhiều chứng cứ, vì sợ phiền toái, cho nên không bàn đến. Thế nhưng, bàn đến công hạnh Tịnh Độ, có thể chia làm hai hạnh, điều này không chỉ có ngài Thiện Đạo, mà ngài Đạo Xước cũng có cùng quan điểm, tức là công hạnh vãng sinh tuy nhiều, gom lại còn có hai: một là “niệm Phật vãng sinh”, hai là “vạn hạnh vãng sinh”, còn theo ý của ngài Hoài Cảm Thiên Sư, công hạnh vãng sinh tuy nhiều, gom lại cũng chỉ có hai: một là “niệm Phật vãng sinh”, hai là “chư hạnh vãng sinh”. Như vậy, cả ba ngài đều lập hai hạnh để bao quát công hạnh vãng sinh, điều này chứng tỏ các ngài đã thấu rõ ý chỉ thâm diệu của sự vãng sinh, còn các nhà chú giải khác thì không hẳn như vậy. Những hành giả Tịnh Độ phải nên suy ngẫm chính chắn điều này!

Vãng Sinh Lễ Tán nói: “Nếu có thể hành trì như trên, niệm niệm tương tục, trọn hết một đời, thì chắc chắn mười người tu, mười người vãng sinh, trăm người tu, trăm người vãng sinh. Vì sao? Vì không có tạp duyên nào khác nên đắc được chánh niệm, vì tương ưng với bốn nguyện của Phật, vì không đi ngược với giáo lý, và vì tùy thuận lời dạy của Phật.

Nếu như bỏ sự chuyên tu mà tu tạp nghiệp, thì trăm người tu, chỉ có một hai người vãng sinh, ngàn người tu, chỉ có năm ba người vãng sinh. Vì sao? Vì tạp duyên loạn động làm mất chánh niệm,

vì không tương ứng với bốn nguyện của Phật, vì đi ngược với giáo lý, vì làm trái với lời dạy của Phật, vì hệ niệm không tương tục, vì sự tưởng nghĩ đến Phật thường gián đoạn, vì sự hồi hướng không ân cần, chân thực, vì các phiền não tham, sân thường đến làm gián đoạn chánh niệm, vì không có tâm hổ thẹn sám hối, vì không tương tục nghĩ nhớ đến việc báo ơn Phật, vì sinh khởi tâm khinh mạn, tuy cũng tu tập, nhưng lại chạy theo danh lợi, vì hay phân biệt nhân ngã, không chịu thân cận những bậc đồng tu thiện tri thức, và vì thích gần gũi những tạp duyên, làm chướng ngại chánh hạnh vãng sinh của chính mình và người khác.

Gần đây, tôi nghe người tăng kẻ tục ở khắp mọi nơi, kiến giải, công hạnh không đồng, chuyên tu, tạp tu cũng khác, thế nhưng, những người chuyên tu, thì mười người vãng sinh cả mười, còn những người tạp tu, tâm ý không chuyên nhất, thì trong ngàn người tu, không có đến một người vãng sinh!

Hai hạnh *hơn, kém* này, như phân trên vừa nói rõ, ngưỡng mong các vị tu hạnh vãng sinh cần phải khéo léo suy ngẫm. Nếu như trong đời này, đã có thể phát nguyện vãng sinh Cực Lạc, thì trong mọi lúc, đi đứng nằm ngồi, đều nên tự khuyến tấn, ngày đêm không xao lãng, trọn suốt một đời hành trì chánh hạnh. Trong đời này, dường như phải chịu chút khổ, thế nhưng, giây phút trước vừa mệnh chung, giây phút sau ắt vãng sinh Cực Lạc, từ đó thọ mệnh vô cùng, vĩnh viễn hưởng thọ sự vui sướng, nhẫn đến khi thành Phật, không còn phải chịu sự khổ sinh tử, đây không phải là điều vui thú hay sao?”

Lời bàn: Đã đọc được đoạn văn trên, càng phải nên **“xả tạp hạnh mà chuyên tu chánh hạnh”**, lẽ nào bỏ chánh hạnh “trăm người tu trăm người vãng sinh”, mà tu tạp hạnh “ngàn người tu không có được một người vãng sinh” hay sao? Hành giả phải nên suy ngẫm chính chắn điều này!

Chương Ba Bốn Nguyên

Đức A Di Đà Như Lai không dùng các hạnh khác làm bốn nguyên vãng sinh, mà chỉ dùng Niệm Phật làm bốn nguyên vãng sinh!

Vô Lượng Thọ Kinh quyển thượng nói: “Giả sử tôi thành Phật, nếu như mười phương chúng sinh, hết lòng tin wa, muốn sinh cõi nước tôi, nhẫn đến mười niệm mà không được vãng sinh, thì tôi sẽ không giữ ngôi Chánh Giác”.

Quán Niệm Pháp Môn dẫn đoạn kinh trên như sau: “Nếu tôi thành Phật, mười phương chúng sinh, nguyện sinh cõi nước tôi, xưng danh hiệu tôi, ít nhất là mười niệm, nhờ nguyện lực của tôi, nếu như không vãng sinh, tôi sẽ không giữ ngôi Chánh Giác.”

Vãng Sinh Lễ Tán cũng dẫn đoạn kinh trên như sau: “Nếu tôi thành Phật, mười phương chúng sinh, xưng danh hiệu tôi, ít nhất là mười niệm, nếu như không vãng sinh, tôi sẽ không giữ ngôi Chánh Giác.”

Đức Phật ấy, hiện nay đã thành Phật, ắt là lời thệ nguyện sâu nặng ấy, chân thực không hư dối; chúng sinh xưng niệm danh hiệu Ngài, ắt được vãng sinh.

Lời bàn: Mỗi Đức Phật đều có hai loại nguyện là nguyện chung và nguyện riêng. Nguyện chung là bốn hoằng thệ nguyện, còn nguyện riêng, chẳng hạn như Đức Thích Ca có năm trăm nguyện, Đức Dược Sư có mười hai nguyện, v.v... Hiện nay, bốn mươi tám nguyện, tức là nguyện riêng của Đức A Di Đà.

Hỏi: Đức A Di Đà Như Lai, vào thời nào, ở nơi Đức Phật nào, phát những nguyện riêng này?

Đáp: Vô Lượng Thọ Kinh nói: Đức Phật bảo ngài A Nan: “Trong đời quá khứ lâu xa vô lượng không thể nghĩ bàn kiếp về trước, có Đức Định Quang Như Lai, giáo hóa, độ thoát vô lượng chúng sinh, đều khiến cho đắc đạo, sau đó mới diệt độ. Kế đến, có Đức

Quang Viễn Như Lai, nhân đến có Đức Xử Thế Như Lai, tổng cộng năm mươi ba vị, đều đã diệt độ. Sau đó, đến đời Đức Thế Tụ Tại Vương Như Lai, có một vị vua nghe Đức Phật thuyết pháp, lòng rất vui mừng, phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, bỏ nước thoái ngôi, tu hạnh sa môn, hiệu là Pháp Tạng, tài cao, dũng mãnh, trí tuệ hơn đời, đến chỗ của Phật,, Đức Phật Thế Tụ Tại Vương bèn vì Pháp Tạng giảng rộng về sự thiện ác cõi trời người, cùng sự đẹp xấu của hai trăm mười ức cõi Phật, ứng theo tâm nguyện đều hiện cho thấy. Lúc ấy, Tỳ kheo Pháp Tạng, nghe lời Phật dạy, thấy rõ sự nghiêm tịnh của các cõi Phật, bèn phát nguyện thù thắng vô thượng, tâm ý tịch tĩnh, chí hướng quảng đại, tất cả thế gian không ai sánh kịp, trải qua năm kiếp, tư duy tu tập công hạnh trang nghiêm cõi Phật.” Ngài A Nan bạch Phật: “Cõi Đức Phật Thế Tụ Tại Vương, thọ mạng bao lâu?” Phật nói: “Đức Phật ấy thọ bốn mươi hai kiếp. Khi đó Tỳ kheo Pháp Tạng tu tập công hạnh thanh tịnh của tất cả hai trăm mười ức cõi Phật.”

Lại như, Đại A Di Đà Kinh nói: “Đức Phật Thế Tụ Tại Vương tuyển chọn sự thiện ác của cõi trời người, cùng sự đẹp xấu của hai trăm mười ức cõi Phật. Sau khi Đức Phật Thế Tụ Tại Vương nói pháp xong, ngài Pháp Tạng nhất tâm chuyên chú, liền đắc thiên nhãn, tự thấy rõ sự thiện ác của cõi trời người, cùng sự đẹp xấu của hai trăm mười ức cõi Phật, ngài bèn chọn lựa theo ý nguyện của mình, kết thành Hai mươi bốn lời nguyện (Bình Đẳng Giác Kinh cũng nói tương tự).

Ở đây, tuyển chọn, nghĩa là trong hai trăm mười ức cõi Phật, bỏ cái ác, giữ cái thiện của cõi trời người. Ý nghĩa của sự tuyển chọn trong kinh Đại A Di Đà như vậy, mà trong kinh Vô Lượng Thọ cũng giống như vậy. Đây gọi là công hạnh thanh tịnh nhiếp thủ hai trăm mười ức cõi Phật vi diệu. Tuyển chọn và nhiếp thủ, tên gọi tuy khác, nhưng ý nghĩa giống nhau. Như vậy, xả hạnh không thanh tịnh, giữ hạnh thanh tịnh.

Những ý nghĩa về sự thiện ác của cõi trời người, về sự đẹp xấu của cõi nước đã đề cập ở phần trên, cũng tương tự như vậy.

Bây giờ chúng ta sẽ thảo luận về sự tuyển chọn, thủ xả của từng lời nguyện trong bốn mươi tám nguyện.

Nguyện thứ nhất, ***không có ba đường ác***: tức là hai trăm mười ức cõi Phật mà ngài Pháp Tạng đã nhìn thấy, hoặc có những cõi có ba đường ác, hoặc có những cõi không có ba đường ác, ngài bèn bỏ những cõi có ba đường ác, mà chọn những cõi không có ba đường ác, nên gọi là tuyển chọn.

Nguyện thứ hai, ***không còn đọa vào ba đường ác***: trong những cõi Phật nêu trên, hoặc có cõi tuy không có ba đường ác, nhưng những hàng trời người ở cõi đó, sau khi mạng chung, tái sinh vào các ác đạo ở những cõi khác, hoặc có những cõi Phật, hàng trời, người không còn tái sinh vào ba đường ác, thì bỏ những cõi thô ác (còn tái sinh vào ba đường ác) mà chọn những cõi thiện diệu (không còn tái sinh vào ba đường ác), nên gọi là tuyển chọn.

Nguyện thứ ba, ***tất cả đều có thân kim sắc***: hoặc có những cõi Phật, hàng trời người, có kẻ có thân hoàng kim, có kẻ có thân bạch kim, hoặc có những cõi Phật, hàng trời người đều có thân hoàng kim, thì bỏ những cõi Phật, hàng trời người có thân sắc khác nhau, mà chọn cõi Phật, hàng trời người có thuần thân hoàng kim sắc, nên gọi là tuyển chọn.

Nguyện thứ tư, ***không có sự đẹp xấu khác nhau***: trong các cõi Phật nói trên, hoặc có cõi Phật hình sắc của hàng trời người đẹp xấu khác nhau, hoặc có cõi Phật hình sắc của hàng trời người không có sự đẹp xấu khác nhau, thì bỏ những cõi Phật, trong đó hàng trời người có sự đẹp xấu khác nhau, mà chọn lấy những cõi Phật, trong đó hàng trời người không có sự đẹp xấu khác nhau, nên gọi là tuyển chọn.

Nhấn đến nguyện thứ mười tám, ***niệm Phật vãng sinh***: trong các cõi Phật nói trên, hoặc có cõi Phật lấy bố thí làm công hạnh chính cho sự vãng sinh, hoặc lấy trì giới làm công hạnh chính cho sự vãng sinh, hoặc lấy nhẫn nhục làm công hạnh chính cho sự vãng sinh, hoặc lấy tinh tiến làm công hạnh chính cho sự vãng sinh, hoặc lấy thiền định làm công hạnh chính cho sự vãng sinh, hoặc lấy bát nhã làm công hạnh chính cho sự vãng sinh, hoặc lấy Bồ đề tâm làm công hạnh chính cho sự vãng sinh, hoặc lấy lục niệm làm công hạnh chính cho sự vãng sinh, hoặc lấy tụng kinh làm công hạnh chính cho sự vãng sinh, hoặc lấy trì chú làm công hạnh chính

cho sự vãng sinh, hoặc lấy sự xây cất chùa tháp, cúng dường sa môn, hoặc lấy sự hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, v.v..., làm công hạnh chính cho sự vãng sinh, hoặc có cõi Phật lấy sự **chuyên tâm xưng niệm danh hiệu Đức Phật của cõi đó** làm công hạnh chính cho sự vãng sinh. Như vậy, lấy một hạnh phối hợp một cõi Phật, đây là ý nghĩa một hạnh; lại nữa, nếu tiếp tục thảo luận về vấn đề này, ý nghĩa công hạnh của sự vãng sinh sẽ không nhất định, hoặc có một cõi Phật lấy nhiều công hạnh khác nhau làm công hạnh chính cho sự vãng sinh, hoặc có nhiều cõi Phật, dùng một công hạnh chung nào đó làm công hạnh chính cho sự vãng sinh về các cõi đó. Như vậy, công hạnh vãng sinh có nhiều loại khác nhau, không thể nói hết. Hiện nay, chúng ta lược bớt những công hạnh khác như bố thí, trì giới, nhẫn đến hiếu dưỡng cha mẹ, mà **chỉ giữ lại công hạnh “chuyên xưng danh hiệu”**, nên gọi là tuyển chọn.

Phân trên nêu ra năm nguyện để thảo luận sơ lược về ý nghĩa của sự tuyển chọn, còn những nguyện khác, ý nghĩa cũng tương tự như vậy.

Hỏi: Nói chung về các nguyện, bỏ sự thô ác, chọn sự thiện diệu, đây là lý đương nhiên. Vì sao trong nguyện thứ mười tám, bỏ tất cả các hạnh khác, chỉ giữ một hạnh “niệm Phật” làm bốn nguyện vãng sinh?

Đáp: Ý Thánh khó dò, khó mà hiểu thấu, thế nhưng hiện nay dùng hai ý nghĩa để thử giải thích, một là “thắng, liệt”, hai là “khó, dễ”.

Trước tiên, *thắng, liệt*. Niệm Phật là thắng (hơn), các công hạnh khác là liệt (kém). Vì sao? Danh hiệu là chỗ quy tụ của muôn vạn công đức, ví như Đức Phật A Di Đà đầy đủ tất cả công đức bên trong, như bốn trí, ba thân, mười lực, bốn vô sở úy, v.v..., và đồng thời cũng đầy đủ các công đức bên ngoài, như tướng hảo, quang minh, thuyết pháp, lợi sanh, v.v..., tất cả công đức này được bao quát trong danh hiệu A Di Đà Phật, cho nên công đức của danh hiệu là thù thắng, còn các công hạnh khác thì không như thế, mỗi công hạnh chỉ có một phần công đức, cho nên gọi là hạ liệt (kém cõi). Ví như trên thế gian, tên gọi nhà là chỉ chung cho tất cả vật dụng như xà nhà, cột nhà, kèo nhà, mái nhà, v.v..., còn những

tên gọi: xà, cột, kèo, mái, v.v..., không thể chỉ chung cho tất cả những vật dụng trong nhà. Do vì công đức của danh hiệu Phật vượt hơn tất cả công đức khác, cho nên bỏ liệt lấy thẳng, nghĩa là lấy **chuyên xưng danh hiệu Phật** làm bốn nguyên cho sự vãng sinh.

Kể đến, *khó, dễ*. Niệm Phật dễ tu tập, còn các công hạnh khác khó tu tập, bởi thế Vãng Sinh Lễ Tán nói: “*Hỏi: Tại sao không dạy tu quán mà chỉ dạy chuyên xưng danh hiệu, đây là có ý gì? Đáp: Đây là vì nghiệp chướng của chúng sinh quá sâu nặng, cảnh quán quá vi tế, mà tâm quán lại thô thiển, vọng tưởng phù động, cho nên tu quán khó thành. Bởi thế Đức Như Lai thương xót, chỉ khuyên chúng sinh chuyên xưng danh hiệu, chính vì xưng danh dễ dàng, cho nên niệm Phật tương tục, ắt được vãng sinh!*”

Lại nữa, Vãng Sinh Yếu Tập có nói: “*Hỏi: Tất cả nghiệp lành đều có lợi ích, đều được vãng sinh, vì sao chỉ khuyên xưng danh hiệu Phật? Đáp: Hiện nay, khuyến khích Niệm Phật, không phải là bài xích các công hạnh khác, mà chỉ là pháp tu niệm Phật, bất luận nam, nữ, sang, hèn, bất luận lúc đi, đứng, nằm, ngồi, bất luận thời gian, nơi chốn, cảnh duyên, tu tập đều dễ dàng; nhỡ đến khi lâm chung, nguyện cầu vãng sinh, không có pháp tu nào tiện lợi hơn pháp Niệm Phật!*”.

Nên biết, công hạnh Niệm Phật dễ dàng, cho nên ai cũng có thể tu tập, còn các công hạnh khác không dễ dàng, không chắc ai cũng tu tập được. Phải chăng Đức Phật A Di Đà muốn cho tất cả chúng sinh được bình **đẳng vãng sinh**, cho nên mới dùng **bỏ khó lấy dễ** làm bốn nguyên!?

Nếu dùng **đức tượng lập chùa** làm bốn nguyên, thì những người bản cùng khôn khổ ắt sẽ tuyệt phận, vả lại, người giàu thì ít mà kẻ nghèo lại rất nhiều.

Nếu dùng **trí tuệ tài cao** làm bốn nguyên, thì những người ngu độn, thiếu trí tuệ ắt sẽ tuyệt phận, vả lại, người trí thì ít mà kẻ ngu lại rất nhiều.

Nếu dùng **học rộng nghe nhiều** làm bốn nguyện, thì những người ít học ít nghe sẽ tuyệt phận, vả lại, người học rộng thì ít mà kẻ ít học lại rất nhiều.

Nếu dùng **nghiêm trì giới luật** làm bốn nguyện, thì những người phá giới hoặc không có giới sẽ tuyệt phận, vả lại, người trì giới thì ít mà kẻ phá giới lại rất nhiều.

Còn những công hạnh khác, chuẩn theo đây sẽ rõ. Nên biết, nếu dùng những công hạnh trên làm bốn nguyện, thì sẽ rất ít người được vãng sinh.

Thế nhưng, tỳ kheo Pháp Tạng (tiên thân của Đức A Di Đà) do lòng từ bi bình đẳng, vì muốn độ thoát tất cả chúng sinh, quyết chắc sẽ không dùng các công hạnh như xây chùa lập tháp, v.v..., làm bốn nguyện, mà chỉ dùng một hạnh xưng danh niệm Phật làm công hạnh vãng sinh. Điều này, ngài Pháp Chiếu trong quyển Ngũ Hội Pháp Sự Tán có nói:

*Phật áy, đời trước lập thệ lớn,
Nghe tên, tưởng nhớ, đều đến rước,
Không phân nghèo khó, hoặc giàu sang,
Không phân kẻ ngu, người trí tuệ,
Không phân học rộng, hoặc trì giới,
Không phân phá giới, tội chướng sâu,
Chỉ cần hồi tâm, siêng niệm Phật,
Có thể làm đá hóa ra vàng!*

Hỏi: Tất cả Bồ tát lập thệ nguyện, hoặc có người đã thành tựu, hoặc có người chưa thành tựu, không rõ bốn mươi tám nguyện của ngài Bồ tát Pháp Tạng đã thành tựu hay chưa?

Đáp: Mỗi nguyện của Bồ tát Pháp Tạng đều đã thành tựu. Vì sao? Cõi nước Cực Lạc không có ba đường ác, như vậy lời nguyện **Cõi nước không có ba đường ác** đã được thành tựu. Vì sao biết được? Bởi vì lời nguyện của Đức A Di Đà có nói: “Không có ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh”. Lại nữa, trời người ở cõi Cực Lạc, sau khi mạng chung, không còn đọa vào ba đường ác, như vậy lời nguyện **Không còn đọa vào ba đường ác** đã được thành

tự. Vì sao biết được? Bởi vì lời nguyện của Đức A Di Đà có nói: “Các Bồ tát ở cõi Cực Lạc, nhẫn đến lúc thành Phật, không còn bị đọa vào ba đường ác”. Lại nữa, trời người ở cõi Cực Lạc, không một ai không đầy đủ ba mươi hai tướng, như vậy lời nguyện **Đầy đủ ba mươi hai tướng** đã được thành tựu. Vì sao biết được? Bởi vì lời nguyện của Đức A Di Đà có nói: “Chúng sanh sanh về cõi ấy đều được đầy đủ ba mươi hai tướng”. Như vậy, từ lời nguyện đầu Không có ba đường ác, cho đến lời nguyện cuối **Được ba pháp nhẫn**, tất cả đều đã thành tựu, chẳng lẽ chỉ riêng lời nguyện thứ mười tám **Niệm Phật vãng sinh** lại không thành tựu hay sao? Bởi thế, người tu niệm Phật đều được vãng sinh. Vì sao biết được? Bởi vì, như lời nguyện **Niệm Phật vãng sinh đã nói: “Nếu có chúng sinh nghe danh hiệu ta, tin tưởng vui mừng, nhẫn đến một niệm, chí tâm hồi hướng, nguyện sinh Cực Lạc, đều được vãng sinh, đắc bất thoái chuyển”**. Bốn mươi tám nguyện trang nghiêm tịnh độ, ao sen lâu ngọc, không gì không phải là nguyện lực, tại sao lại chỉ riêng nghi ngờ lời nguyện **Niệm Phật vãng sinh**? Hơn nữa, mỗi cuối lời nguyện đều có thêm câu **Nếu không được như vậy, thế sẽ không giữ ngôi chánh giác**, thế nhưng, Đức A Di Đà thành Phật đã hơn mười kiếp. Nếu đã thành Phật, thì mỗi điều thế nguyện ắt không phải là hư dối! Ngài Thiện Đạo nói: “Đức A Di Đà, hiện tại thành Phật, cho nên biết bốn nguyện của Ngài nhất định không hư dối, chúng sinh xưng niệm danh hiệu, ắt được vãng sinh”.

Hỏi: Kinh nói “mười niệm”, Thích Tịnh Độ Quán Nghi Luận nói “mười tiếng (Hán: thập thanh)”, ý nghĩa của **niệm** và **tiếng** khác nhau thế nào?

Đáp: Niệm và tiếng cùng một ý nghĩa. Tại sao biết được? Phần Hạ phẩm hạ sinh trong Quán Kinh nói: “**Âm thanh không dứt, đầy đủ mười niệm, xưng Nam mô A Di Đà Phật, do vì xưng danh hiệu Phật, trong mỗi niệm đều trừ diệt tám mươi ức kiếp nghiệp tội sinh tử.**” Ý vào đoạn kinh này, tiếng tức là niệm, niệm tức là tiếng, ý nghĩa rõ ràng như thế! Hơn nữa, Đại Tập Nguyệt Tạng Kinh có nói: “**Niệm lớn thấy Phật lớn, niệm nhỏ thấy Phật nhỏ**”, cho nên biết rằng niệm tức là xưng lên âm thanh.

Hỏi: Kinh nói “cho đến (Hán: nãi chí)”, Thích Tịnh Độ Quán Nghi Luận nói “ít nhất (Hán: hạ chí)”, ý nghĩa ra sao?

Đáp: Cho đến và ít nhất, ý nghĩa giống nhau. Kinh nói cho đến, là từ nhiều đến ít, nhiều là cho đến trọn đời, ít là ít nhất là mười niệm, còn Thích Tịnh Độ Quán Nghi nói ít nhất, là từ dưới lên trên, dưới là ít nhất là mười niệm, trên là cho đến trọn đời. Những trường hợp “trên dưới tương đối” không phải là ít, như lời nguyện Túc mạng thông nói: **“Nếu tôi thành Phật, người trời trong nước, nếu như không có túc mạng thông, ít nhất, nếu không biết sự việc của trăm ngàn ức na do tha kiếp quá khứ, tôi nguyện không giữ ngôi Chánh giác”**, tương tự, các lời nguyện Năm thân thông, cho đến những lời nguyện về quang minh, thọ mạng, đều có chữ ít nhất, tức là đều có nghĩa từ nhiều đến ít, từ dưới lên trên cả. Tương tự như tám lời nguyện vừa đề cập ở trên, nay trong lời nguyện thứ mười tám này, cho đến cũng tức là ít nhất, bởi thế, ngài Thiện Đạo giải thích chữ ít nhất, ý nghĩa không có sự trái nghịch. Thế nhưng, sự giải thích của ngài Thiện Đạo và các nhà chú giải khác có sự bất đồng. Các nhà chú giải gọi lời nguyện thứ mười tám là **Nguyện mười niệm vãng sinh**, chỉ có ngài Thiện Đạo gọi là **Nguyện Niệm Phật vãng sinh**. Các nhà chú giải gọi là **Nguyện mười niệm vãng sinh**, ý nghĩa không được châu toàn, bởi vì, trên thì bỏ đi điều kiện cho đến trọn đời, dưới thì bỏ đi điều kiện ít nhất là một niệm; còn như ngài Thiện Đạo gọi là **Nguyện Niệm Phật vãng sinh**, ý nghĩa này mới châu toàn, vì trên bao gồm cho đến trọn đời, dưới thì trọn cả ít nhất là một niệm.

Chương Bốn

Ba Hạng Người

Ba hạng người niệm Phật vãng sanh.

Vô Lượng Thọ Kinh quyển hạ nói: “Đức Phật bảo ngài A Nan: Các hàng trời người trong mười phương, có tâm chí thành muốn sinh cõi ấy, phân làm ba bậc.

a/ Bậc thượng: là hạng bỏ nhà lìa dục, tu hạnh sa môn, phát Bồ đề tâm, một lòng chuyên niệm A Di Đà Phật, tu các công đức nguyện sanh Cực Lạc. Những chúng sinh ấy, đến lúc lâm

chung, Đức Phật A Di Đà cùng các thánh chúng hiện ra trước mặt, trong khoảng sát na liền theo Đức Phật vãng sanh Cực Lạc, tự nhiên hóa sanh trong ao bảy báu, đắc bất thoái chuyển, trí tuệ dũng mãnh, thần thông tự tại. Bởi thế, này A Nan! Nếu có chúng sinh, muốn trong hiện đời, thấy được Đức Phật A Di Đà, phải nên phát tâm vô thượng Bồ đề, tu hành công đức, nguyện sinh Cực Lạc.

b/ Bạc trung: là những chúng sanh trong mười phương thế giới, hết lòng muốn sinh về cõi Cực Lạc, tuy không thể tu hạnh sa môn, nhưng tu tập nhiều công đức lớn, phải nên phát Bồ đề tâm, một lòng chuyên niệm A Di Đà Phật, tùy sức mình mà tu các hạnh lành, phụng trì trai giới, xây chùa lập tháp, cúng dường chư tăng, treo phướn, thắp đèn, rải hoa, đem những công đức này hồi hướng, nguyện sinh Cực Lạc. Người ấy lúc lâm chung, Hóa thân của Đức A Di Đà, đầy đủ quang minh tướng hảo như Đức Phật thật, cùng các thánh chúng hiện ra ở trước, người ấy trong khoảng sát na liền theo Hóa Phật vãng sanh Cực Lạc, đắc bất thoái chuyển, công đức trí tuệ kém hơn bậc thượng.

c/ Bạc hạ: là những chúng sinh mười phương, có lòng chí thành, muốn sinh Cực Lạc. Giả sử không thể tu tập các công đức, cũng phải nên phát tâm Vô thượng Bồ đề, một lòng chuyên niệm Phật A Di Đà, dù chỉ mười niệm, nguyện sinh Cực Lạc. Nếu nghe Phật pháp thâm sâu, hoan hỷ tin ưa, tâm không nghi ngờ, dù chỉ một niệm, niệm Phật A Di Đà, nguyện sinh Cực Lạc, người ấy lúc lâm chung, mộng thấy Đức A Di Đà, liền được vãng sinh, công đức trí tuệ kém hơn bậc trung.

Hỏi: Bạc thượng, ngoài sự niệm Phật, còn phải làm các công hạnh như bỏ nhà, lìa dục, v.v...; bạc trung phải làm các công hạnh như xây chùa, đúc tượng, v.v...; bạc hạ cũng phải có các công hạnh như phát Bồ đề tâm, v.v..., vì sao ở đây chỉ nói Niệm Phật vãng sinh?

Đáp: Quán Niệm Pháp Môn của Hòa Thượng Thiện Đạo nói: “Vô Lượng Thọ Kinh quyển hạ có dạy: Phật nói căn tính của tất cả chúng sinh đều khác nhau, có ba bậc thượng, trung, hạ. Đức Phật tùy theo căn tính của họ, đều khuyên chuyên tâm xưng niệm danh hiệu Phật A Di Đà. Những người ấy, đến lúc lâm chung, Đức A

Di Đà và thánh chúng đồng đến tiếp dẫn, đều được vãng sinh.” Ý vào ý nghĩa này, có thể nói ba bậc thượng trung hạ đều Niệm Phật vãng sinh.

Hỏi: Trả lời như vậy vẫn chưa thỏa đáng. Tại sao bỏ tất cả công hạnh, chỉ riêng nói Niệm Phật?

Đáp: Ở đây có ba ý nghĩa, (1) vì muốn phớt bỏ các công hạnh để quy hướng Niệm Phật cho nên nói đến các công hạnh, (2) vì muốn trợ thành công hạnh Niệm Phật cho nên nói đến các công hạnh, (3) vì hai môn (a) Niệm Phật và (b) Tu các công hạnh, mỗi môn đều có ba phẩm, nên nói đến sự tu tập các công hạnh.

(1) Vì muốn phớt bỏ các công hạnh để quy hướng Niệm Phật: Ở đây chúng ta y theo Quán Kinh Sơ của ngài Thiên Đạo: *“Phần trên tuy nói sự lợi ích của hai môn, Tán môn và Định môn, nếu như xét bốn nguyện của Phật A Di Đà, là muốn chúng sinh một lòng chuyên xưng danh hiệu của Ngài”*, mà giải thích. Trong phần bậc thượng, tuy nói đến các công hạnh khác như phát Bồ đề tâm, v.v..., nếu xét thâm ý của bốn nguyện, chỉ là muốn chúng sinh chuyên xưng danh hiệu của Đức A Di Đà, mà trong bốn nguyện cũng không nói đến hạnh nào khác. Ba bậc đều y vào bốn nguyện trên, cho nên nói: **Một lòng chuyên niệm Phật Vô Lượng Thọ.** Ví như bên Thiên Trúc có ba loại chùa, một là chùa chuyên tu Đại thừa, trong đó không có người tu học Tiểu thừa, hai là chùa chuyên tu Tiểu thừa, trong đó không có người tu học Đại thừa, ba là chùa kiêm tu Đại thừa và Tiểu thừa. Nên biết, các chùa chuyên tu Đại thừa hoặc Tiểu thừa, có thể gọi là một lòng (Hán: nhất hướng), còn chùa kiêm tu thì không thể gọi là một lòng. Nếu y theo ví dụ về chùa ở Ấn Độ vừa nói, những hành giả tu các công hạnh khác, có thể gọi là kiêm tu. Nếu đã nói một lòng, thì không tu các hạnh khác, điều này quả thật rõ ràng. Tuy trước đó nói đến các công hạnh, nhưng sau lại nói một lòng chuyên niệm, điều này rõ ràng là muốn hành giả bỏ các công hạnh khác để Niệm Phật, cho nên mới nói một lòng, nếu không, chữ một lòng làm sao có thể giải thích cho thông!

(2) Vì muốn trợ thành công hạnh Niệm Phật: Ở đây cũng có hai nghĩa, (a) một là dùng thiện căn cùng loại trợ thành công hạnh

Niệm Phật, (b) hai là dùng *thiện căn khác loại* trợ thành công hạnh Niệm Phật.

a/ Dùng thiện căn cùng loại trợ thành: Thiện Đạo Hòa Thượng trong Quán Kinh Sớ đưa ra năm loại công hạnh trợ thành công hạnh Niệm Phật. Trong phần hai hạnh chánh tạp ở trên đã nói đầy đủ.

b/ Dùng thiện căn khác loại trợ thành: Trước tiên, đối với bậc thượng bàn luận công hạnh chánh, phụ. Một lòng chuyên niệm Phật Vô Lượng Thọ tức là hạnh chánh, còn các công hạnh khác như bỏ nhà, lìa dục, tu hạnh sa môn, phát Bồ đề tâm, v.v..., là hạnh phụ. Đây có nghĩa rằng Niệm Phật là căn bản cho hành nghiệp vãng sinh, cho nên vì muốn một lòng Niệm Phật, cho nên mới bỏ nhà, lìa dục, tu hạnh sa môn, phát Bồ đề tâm, v.v... Trong đây, những việc xuất gia, phát tâm, v.v..., là chỉ lúc mới xuất gia, hoặc mới phát tâm, còn Niệm Phật là công hạnh lâu dài không thoái thất, chẳng lẽ, các công hạnh khác lại chướng ngại công hạnh Niệm Phật! Đối với bậc trung, các công hạnh như xây chùa, đúc tượng, treo phướn, thắp đèn, rải hoa, đốt hương, v.v..., cũng đều là để trợ thành công hạnh Niệm Phật. Ý chỉ này có thể tìm thấy trong Vãng Sanh Yếu Tập, nghĩa là các công hạnh cúng dường, xây chùa, đúc tượng, v.v..., đều là những phương tiện trợ thành công hạnh Niệm Phật. Đối với hành giả bậc hạ, cũng có sự phát tâm, niệm Phật, chiếu theo phần trên sẽ rõ.

(3) Vì hai môn Niệm Phật và tu tập các công hạnh, mỗi môn đều có ba phẩm: Trước tiên, nói đến ba phẩm của môn Niệm Phật. Trong kinh, đối với ba bậc hành giả đều nói một lòng chuyên niệm Phật Vô Lượng Thọ, đây tức là môn Niệm Phật thiết lập ba phẩm, bởi thế, phẩm Niệm Phật Chứng Cứ Môn của Vãng Sanh Yếu Tập có nói: “Trong kinh Vô Lượng Thọ, hành nghiệp của ba bậc tuy có sự sâu cạn khác nhau, nhưng tựu trung phải một lòng chuyên niệm Vô Lượng Thọ Phật”. Kế đến, nói ba phẩm của môn Tu tập các công hạnh, nghĩa là ba bậc đều có các công hạnh như phát Bồ đề tâm, v.v..., đây là từ sự tu tập các công hạnh mà lập ba phẩm. Phẩm Chư Hành Vãng Sinh Môn của Vãng Sinh Yếu Tập có nói: “Ba bậc của kinh Vô Lượng Thọ không ra ngoài phạm vi của những công hạnh này.”

Ba ý nghĩa vừa nêu trên, tuy có sự khác biệt, thế nhưng mục đích đều là vì Một lòng Niệm Phật mà thiết lập. Ý nghĩa đầu tức là vì phé bỏ, xác lập, nghĩa là nói các công hạnh để phé bỏ các công hạnh, nói Niệm Phật để xác lập Niệm Phật. Ý nghĩa kế là vì muốn trợ thành, nghĩa là vì muốn trợ thành chánh nghiệp Niệm Phật, cho nên nói đến các nghiệp phụ là sự tu tập các công hạnh. Ý nghĩa cuối là vì nghĩa chánh, phụ, nghĩa là tuy nói hai môn Niệm Phật và Tu các công hạnh, nhưng Niệm Phật là chánh, còn Tu các công hạnh là phụ. Bởi thế nên nói: “*Ba bậc đều phải niệm Phật*”.

Trong ba ý nghĩa vừa nói, nghĩa cuối (Niệm Phật là chánh, các hạnh khác là phụ) rất khó quyết đoán, kính thỉnh chư vị học giả tùy ý quyết định. Hiện nay, theo ngài Thiện Đạo, ý nghĩa đầu ***Vì muốn phé bỏ các công hạnh để quy hướng Niệm Phật là chính xác.***

Hỏi: Hành nghiệp của ba bậc đều nói Niệm Phật, ý nghĩa này đã rõ ràng. Chín phẩm trong Quán Kinh và ba bậc của Vô Lượng Thọ Kinh vốn chỉ là sự khai hợp khác nhau, nếu vậy, tại sao ba bậc trong Vô Lượng Thọ Kinh đều nói đến Niệm Phật, còn trong Quán Kinh, hai phẩm thượng, trung không nói đến Niệm Phật, mà chỉ có hạ phẩm mới nói đến?

Đáp: Điều này có hai nghĩa.

a/ Phần đầu của câu hỏi nói “Ba bậc của Vô Lượng Thọ Kinh và chín phẩm của Quán Kinh chỉ là sự khai hợp khác nhau”, do đây mà biết chín phẩm của Quán Kinh có thể cũng có sự Niệm Phật. Vì sao mà biết? Nếu ba bậc đều có sự Niệm Phật, thì chín phẩm tại sao lại không có? Vãng Sinh Yếu Tập nói: “Hỏi: Công hạnh Niệm Phật được nhiếp vào phẩm nào của Quán Kinh? Đáp: Nói về công hạnh, đúng lý, Niệm Phật phải được nhiếp vào phẩm thượng, thế nhưng, tùy vào sự Niệm Phật thắng hay liệt mà chia làm chín phẩm. Thế nhưng, Quán Kinh khi nói về hành nghiệp của chín phẩm, chỉ là đề cập đến một phần nhỏ, đúng lý, hành nghiệp (công hạnh) là vô lượng.” Cho nên biết rằng Niệm Phật là chung cho cả chín phẩm.

b/ Bôn ý của Quán Kinh là trước tiên nói rộng về các công hạnh định tán, để thích ứng với căn cơ của tất cả chúng sinh, sau đó phé

bỏ các công hạnh này, để quy hướng về hạnh Niệm Phật, chẳng hạn như Kinh nói: “Ông phải khéo thọ trì Kinh này”, v.v... Ý nghĩa này, phần dưới sẽ nói đầy đủ, bởi thế, biết rằng ***công hạnh của chín phẩm, chỉ là Niệm Phật.***

Chương Năm **Lợi Ích**

Sự lợi ích của Niệm Phật

Vô Lượng Thọ Kinh quyển hạ nói: Đức Phật bảo ngài Di Lặc:

***Nếu có người nghe
Danh hiệu Phật ấy
Lòng rất vui mừng
Dù chỉ một niệm
Nên biết người ấy
Được lợi ích lớn
Sẽ được đầy đủ
Công đức vô thượng.***

Vãng Sinh Lễ Tán của Hòa thượng Thiện Đạo nói:

***Ai nghe được danh hiệu
Của Đức A Di Đà
Vui mừng, dù một niệm
Đều được sinh cõi ấy.***

Hỏi: Căn cứ lời kinh nói về ba bậc, ngoài Niệm Phật còn có các công đức phát Bồ đề tâm, v.v..., tại sao không tán dương những công đức ấy, mà chỉ riêng tán thán công đức Niệm Phật?

Đáp: Ý Thánh khó dò, ắt là có ý nghĩa sâu xa. Ở đây chỉ căn cứ vào ngài Thiện Đạo mà giải thích. Nguyên vì bản ý của Đức Phật, tuy chỉ muốn nói trực tiếp công hạnh Niệm Phật, thế nhưng, Ngài phải tùy căn cơ chúng sinh mà nói đến các công hạnh khác như phát Bồ đề tâm, v.v..., chia làm ba bậc, sâu cạn khác nhau. Hiện nay, bỏ các công hạnh khác không tán thán, mà chỉ riêng tán thán hạnh niệm Phật, cho nên chúng ta chỉ bàn luận đến điểm này.

Công hạnh Niệm Phật chia làm ba bậc, điều này có hai nghĩa: (1) chia theo “Quán niệm sâu cạn”, (2) chia theo “Niệm Phật nhiều ít”.

1/ *Sâu cạn*: như phần trên đã dẫn đoạn văn “Nếu nói về công hạnh, đúng lý Niệm Phật là cho bậc thượng thượng”.

2/ *Nhiều ít*: như trong đoạn văn của bậc Hạ phẩm hạ sinh đã có đề cập đến số mục “*mười niệm nhĩn đến một niệm*”, chuẩn theo đây, hai bậc trung và thượng, số mục niệm Phật phải nên tùy theo đó mà gia tăng. Quán Niệm Pháp Môn nói: “*Mỗi ngày niệm danh hiệu Phật một vạn câu, lại cần phải tùy thời lễ bái, tán thán sự trang nghiêm Tịnh độ.*”

Cần phải rất tinh tiến, hoặc niệm ba vạn, sáu vạn, mười vạn câu, đây đều là bậc Thượng phẩm thượng sinh”. Nên biết, niệm từ ba vạn câu trở lên là hành nghiệp của bậc Thượng phẩm thượng sinh, niệm ba vạn câu trở xuống là hành nghiệp của bậc thượng trung trở xuống. Đây rõ ràng là tùy theo số mục niệm Phật nhiều ít mà phân biệt phẩm vị.

Hiện nay, nói Một niệm, là chỉ một niệm trong Nguyên Niệm Phật thành tựu (Nguyên thứ mười tám), và cũng chỉ cho một niệm trong bậc Hạ phẩm hạ sinh. Trong Nguyên thành tựu, tuy nói một niệm, nhưng chưa nói đến công đức đại lợi, và trong phần bậc Hạ, tuy cũng nói đến một niệm, nhưng cũng chưa nói đến công đức đại lợi. Ở đây nói một niệm là công đức đại lợi, lại khen là vô thượng, nên biết đây là muốn chỉ cho Một niệm trong Nguyên Niệm Phật thành tựu ở trên.

Ở đây, đại lợi là so sánh với tiểu lợi, như vậy, ắt các công hạnh như phát Bồ đề tâm, v.v., là tiểu lợi, còn ***cho đến một niệm*** là đại lợi.

Lại nữa, vô thượng là so sánh với hữu thượng. Nếu đã cho rằng một niệm là vô thượng, như vậy, ắt mười niệm là mười vô thượng, trăm niệm là trăm vô thượng, ngàn niệm là ngàn vô thượng, và cứ như thế, từ ít đến nhiều, niệm Phật hằng sa, công đức vô thượng ắt cũng sẽ hằng sa.

Như thế, các hành giả cầu sinh Tịnh độ, tại sao bỏ Niệm Phật đại lợi vô thượng, mà lại miễn cưỡng tu các công hạnh tiểu lợi hữu thượng khác!

Chương Sáu

Đặc Lưu

Sau thời một vạn năm mạt pháp, các công hạnh khác đều biến diệt, đặc biệt lưu lại một môn Niệm Phật.

Vô Lượng Thọ Kinh quyển hạ nói: Trong đời vị lai, kinh đạo diệt hết, ta vì từ bi thương xót, đặc biệt lưu lại kinh này một trăm năm. Nếu có chúng sinh gặp được kinh này, tùy theo ý nguyện, đều được cứu độ.

Hỏi: Kinh chỉ nói đặc biệt lưu lại kinh này, tại sao ở đây lại nói đặc biệt lưu lại môn Niệm Phật?

Đáp: Điều mà kinh này giảng dạy đều là nói về Niệm Phật. Ý chỉ đã nói rõ ở phần trên, và các ngài Thiện Đạo, Hoài Cảm, Huệ Tâm, v.v., cũng đồng quan điểm. Như vậy, “kinh này lưu lại thế gian” cũng tức là “Niệm Phật lưu lại thế gian”. Lý do là vì kinh này tuy có nói đến phát Bồ đề tâm, nhưng không nói đến hành tướng của sự phát tâm, nói chi tiết về hành tướng của sự phát Bồ đề tâm là ở trong kinh Phát Bồ Đề Tâm, v.v.. Thế nhưng, những kinh đó bị diệt trước, nếu vậy, y vào đâu mà tu tập phát Bồ đề tâm? Lại nữa, nói chi tiết về hành tướng của sự trì giới là ở trong giới luật của Đại, Tiểu thừa, thế nhưng, giới luật bị diệt trước, như vậy những công hạnh trì giới phải y vào đâu mà tu tập? Còn những công hạnh khác, căn cứ theo đây thì sẽ rõ. Bởi thế, Hòa thượng Thiện Đạo trong Vãng Sinh Lễ Tán giải thích đoạn kinh này như sau:

*Vạn năm, Tam bảo diệt
Kinh này trụ trăm năm
Lúc đó, nghe một niệm
Đều được sanh Cực Lạc.*

Lại nữa, giải thích đoạn kinh này, đại khái có bốn nghĩa: (1) sự trụ, diệt trước sau của hai giáo pháp Tịnh Độ và Thánh Đạo, (2) sự

trụ, diệt trước sau của hai giáo pháp Thập Phương Tịnh Độ và Tây Phương Tịnh Độ, (3) sự trụ, diệt trước sau của hai giáo pháp Đâu Suất Tịnh Độ và Tây Phương Tịnh Độ, (4) sự trụ, diệt trước sau của hai môn Niệm Phật và Tu tập các công hạnh.

(1) Sự trụ, diệt trước sau của hai giáo pháp Thánh Đạo và Tịnh Độ: nghĩa là các kinh điển của môn Thánh Đạo bị diệt trước, cho nên nói kinh đạo bị diệt tận, kinh Vô Lượng Thọ của môn Tịnh Độ được đặc biệt lưu lại, cho nên nói lưu lại thế gian một trăm năm. Nên biết, cơ duyên của Thánh Đạo cạn cợt, còn cơ duyên của Tịnh Độ sâu dày.

(2) Sự trụ diệt trước sau của hai giáo pháp Thập Phương Tịnh Độ và Tây Phương Tịnh Độ: nghĩa là các giáo pháp vãng sinh Thập Phương Tịnh Độ bị diệt trước, cho nên nói kinh đạo bị diệt tận, còn kinh Vô Lượng Thọ của pháp môn vãng sinh Tây Phương Tịnh Độ được đặc biệt lưu lại thế gian, cho nên nói lưu lại thế gian một trăm năm. Nên biết cơ duyên vãng sinh Thập Phương Tịnh Độ cạn cợt, còn cơ duyên vãng sinh Tây Phương Tịnh Độ sâu dày.

(3) Sự trụ, diệt trước sau của hai giáo pháp Đâu Suất Tịnh Độ và Tây Phương Tịnh Độ: nghĩa là các kinh nói về vãng sinh Đâu Suất như Di Lạc Thượng Sinh Kinh, Tâm Địa Quán Kinh bị diệt trước, cho nên nói kinh đạo bị diệt tận, còn kinh Vô Lượng Thọ nói về vãng sinh Tây Phương được đặc biệt lưu lại thế gian một trăm năm, nên nói lưu lại thế gian một trăm năm. Nên biết cõi Đâu Suất, tuy gần cõi người, thế nhưng cơ duyên cạn cợt, còn cõi Cực Lạc tuy xa, nhưng cơ duyên lại sâu dày.

(4) Sự trụ, diệt trước sau của hai môn Niệm Phật và Tu tập các công hạnh: nghĩa là giáo pháp tu tập các công hạnh vãng sinh bị diệt trước, cho nên nói kinh đạo bị diệt tận, kinh Vô Lượng Thọ của pháp môn Niệm Phật được đặc biệt lưu lại thế gian một trăm năm, cho nên nói lưu lại thế gian một trăm năm.

Nên biết, tu các hạnh khác để vãng sinh, cơ duyên rất cạn cợt, còn tu hạnh Niệm Phật vãng sinh, cơ duyên rất sâu dày. Hơn nữa, các công hạnh khác, nhân duyên vãng sinh rất ít, còn Niệm Phật vãng sinh, nhân duyên vãng sinh rất nhiều. Và lại, tu hạnh khác để vãng

sinh, chỉ hạn cục vào một vạn năm của thời mạt pháp, còn Niệm Phật vãng sinh, thì kéo dài vào khoảng thời gian một trăm năm sau khi kinh pháp diệt tận.

Hỏi: Phật nói Ta dùng tâm từ bi thương xót, đặc biệt lưu lại kinh này trên thế gian một trăm năm. Nếu Đức Thế Tôn đã vì từ bi lưu lại kinh giáo, ắt là bất cứ kinh giáo nào cũng phải nên lưu lại, tại sao Ngài không lưu lại kinh khác, mà chỉ lưu lại kinh này?

Đáp: Dù Ngài lưu lại bất cứ một kinh nào khác, cũng không tránh khỏi câu hỏi vạn vạ này, thế nhưng, đặc biệt lưu lại kinh này, ý nghĩa rất sâu xa. Theo Hòa thượng Thiện Đạo, kinh này nói đến bốn nguyện Niệm Phật vãng sinh của Đức A Di Đà, Đức Thích Ca vì lòng từ bi, muốn lưu lại pháp Niệm Phật, cho nên đặc biệt lưu lại kinh này. Các kinh khác, không nói đến bốn nguyện Niệm Phật vãng sinh của Đức A Di Đà, cho nên Đức Thích Ca tuy từ bi, vẫn không lưu lại các kinh khác. Hơn nữa, tuy bốn mươi tám nguyện đều là bốn nguyện, đặc biệt dùng Niệm Phật làm quy định cho sự vãng sinh. Hòa thượng Thiện Đạo giải thích như sau:

*Hoàng thế nhiều môn, bốn mươi tám
Chỉ riêng Niệm Phật rất là thân
Phật nhớ người thường hay niệm Phật
Phật biết người tưởng Phật chuyên tâm.*

Nên biết, trong bốn mươi tám nguyện, bốn nguyện “Niệm Phật vãng sinh” là vua trong các bốn nguyện, bởi thế, Đức Thích Ca từ bi đặc biệt lưu lại kinh này trên thế gian một trăm năm. Lại như, trong Quán Vô Lượng Thọ Kinh, Đức Thích Ca không phó chúc ông A Nan các công hạnh định thiện, tán thiện, mà phó chúc công hạnh Niệm Phật, tức là Ngài thuận theo bốn nguyện của Đức A Di Đà, cho nên chỉ phó chúc một hạnh Niệm Phật.

Hỏi: Đặc biệt lưu lại Niệm Phật một trăm năm sau khi kinh pháp diệt tận, ý nghĩa này đã rõ ràng. Công hạnh Niệm Phật chỉ thích ứng riêng cho chúng sinh thời đó, hay là chung cho cả ba thời chánh, tượng và mạt pháp?

Đáp: Thích ứng chung cho cả ba thời chánh, tượng và mật pháp. Phải nên biết đây có nghĩa là nêu lợi ích mai sau để khuyên dạy người hiện đời.

Chương Bảy Thâu Nhiếp

Ánh sáng của Đức A Di Đà không chiếu hành giả khác, mà chỉ thâu nhiếp hành giả Niệm Phật.

Quán Vô Lượng Thọ Kinh nói: Đức Phật Vô Lượng Thọ có tám vạn bốn ngàn tướng, mỗi tướng có tám vạn bốn ngàn vẻ đẹp, trong mỗi vẻ đẹp có tám vạn bốn ngàn tia sáng, mỗi tia sáng đều chiếu khắp mười phương thế giới, thâu nhiếp tất cả chúng sinh Niệm Phật.

Quán Kinh Sớ nói: Từ câu “Đức Phật Vô Lượng Thọ”, đến câu “thâu nhiếp tất cả”, chánh thức nói rõ sự quán sát các tướng riêng biệt của thân Phật A Di Đà. Ánh sáng này làm lợi ích cho người hữu duyên, chia làm năm phần: (1) nói rõ bao nhiêu tướng, (2) nói rõ bao nhiêu vẻ đẹp, (3) nói rõ bao nhiêu ánh sáng, (4) nói rõ ánh sáng chiếu bao xa, (5) nói rõ chỗ mà ánh sáng chiếu đến đều được lợi ích.

Hỏi: Tu đầy đủ các công hạnh, chỉ cần hồi hướng đều được vãng sinh, tại sao ánh sáng của Phật chiếu khắp, lại chỉ thâu nhiếp những người niệm Phật, nghĩa này như thế nào?

Đáp: Ở đây có ba nghĩa:

a/ Duyên thân thiết: chúng sinh khởi tâm tu hành, miệng thường niệm Phật, Phật ắt nghe thấy, thân thường lay Phật, Phật ắt nhìn thấy, tâm thường nhớ Phật, Phật ắt biết rõ; chúng sinh nhớ Phật, niệm Phật, Phật cũng nhớ chúng sinh, niệm chúng sinh. Ba nghiệp của đôi bên thường không xa lìa nhau, cho nên gọi là duyên thân thiết.

b/ Duyên gần: chúng sinh xưng niệm danh hiệu Phật, Phật tức thời cảm ứng, hiện ra trước mắt họ, cho nên gọi là duyên gần.

c/ Duyên tăng thượng: chúng sinh xưng niệm danh hiệu Phật, tức là có thể trừ diệt nhiều kiếp tội chướng, đến lúc lâm chung, Phật và thánh chúng, tự nhiên đến nghinh tiếp, những tà nghiệp trôi buộc không thể làm chướng ngại sự vãng sinh, cho nên gọi là duyên tăng thượng.

Các công hạnh khác, tuy cũng gọi là thiện, nhưng nếu so với Niệm Phật, thì hoàn toàn không so sánh được, cho nên trong các kinh điển, chỗ nào cũng tán thán công đức Niệm Phật, chẳng hạn như kinh Vô Lượng Thọ, trong bốn mươi tám nguyện, chỉ nói rõ “chuyên niệm danh hiệu A Di Đà mà được vãng sinh Cực Lạc”, lại như trong kinh A Di Đà, một ngày cho đến bảy ngày, chuyên niệm danh hiệu A Di Đà được vãng sinh Cực Lạc, hơn nữa, hàng sa chư Phật ở mười phương thế giới chứng minh sự chân thực của bốn nguyện của Phật A Di Đà.

Phân định thiện và tán thiện trong kinh này, cũng chỉ nêu rõ sự chuyên niệm danh hiệu Phật A Di Đà được vãng sinh Cực Lạc; những trường hợp này không phải duy nhất. Đến đây đã nói xong về Niệm Phật Tam Muội.

Quán Niệm Pháp Môn nói: Như phần trước nói về ánh sáng của thân, tướng, v.v., mỗi một tia sáng chiếu khắp mười phương thế giới, thế nhưng tâm quang của Đức A Di Đà thường soi chiếu những chúng sinh chuyên niệm danh hiệu của Ngài, nhiếp hộ không rời, mà hoàn toàn không nói đến sự soi chiếu nhiếp hộ các chúng sinh tu các tạp hạnh khác.

Hỏi: Ánh sáng của Phật chỉ chiếu người niệm Phật mà không chiếu người tu hạnh khác là có ý gì?

Đáp: Có hai nghĩa, (1) Ba duyên: duyên thân thiết, duyên gần, duyên tăng thượng, vừa đề cập ở trên, (2) Bốn nguyện: Các công hạnh khác không phải là bốn nguyện, cho nên không soi chiếu nhiếp hộ, Niệm Phật là bốn nguyện, cho nên soi chiếu nhiếp hộ. Bởi thế, Hòa thượng Thiện Đạo trong Lục Thời Lễ Tán có nói:

*Thân sắc Di Đà như kim sơn
Tướng hảo quang minh chiếu mười phương*

*Riêng người Niệm Phật được soi nhiếp
Nên biết Bốn nguyện rất kiên cường.*

Lại nữa, trong đoạn kinh đã dẫn nói: “Các hạnh lành khác, tuy gọi là thiện, nếu so với Niệm Phật thì hoàn toàn không so sánh được”. Ý nghĩa ở đây là muốn so sánh các công hạnh của môn Tịnh Độ. Niệm Phật là diệu hạnh được chọn, còn các hạnh khác là thô hạnh bị bỏ, cho nên nói “hoàn toàn không thể so sánh. Hơn nữa, Niệm Phật là hạnh bốn nguyện, còn các hạnh khác không phải, cho nên nói hoàn toàn không thể so sánh.

Chương Tám Ba Tâm

Người niệm Phật nhất định đầy đủ ba tâm.

Quán Vô Lượng Thọ Kinh nói: “Nếu có chúng sinh nguyện sinh Cực Lạc, nên phát ba tâm, ắt được vãng sinh. Một là chí thành tâm, hai là thâm tâm, ba là hồi hướng phát nguyện tâm. Người đầy đủ ba tâm, ắt sẽ sinh Cực Lạc.

I. Chí Thành Tâm: Quán Kinh Sớ nói: Kinh dạy “Một là chí thành tâm. Chí tức là chân, thành tức là thực. Ý muốn nói tất cả chúng sinh, ba nghiệp thân khẩu ý tu tập giải môn, hoặc hành môn, đều phải từ tâm chân thật xuất phát, không thể bên ngoài hiện tướng hiền thiện, tinh tiến, mà trong tâm thì giả dối, tham lam, tà ngụy, gian trá đa đoan, hung ác dữ dằn, mưu mô nham hiểm; tuy cũng hành trì ba nghiệp, nhưng gọi là việc lành pha chất độc, cũng gọi là hành trì giả dối, không được gọi là nghiệp thiện chân thực.

Nếu như dùng tâm như vậy mà tu hành, dù có thân tâm lao nhọc, tinh tiến hành trì như cứu đầu đang bị cháy, cũng chỉ gọi là việc thiện pha chất độc. Muốn dùng công hạnh trộn độc này để cầu sinh Cực Lạc, đây là điều không thể được! Vì sao? Bởi vì Đức Phật A Di Đà, trong lúc tu nhân, dù trong một niệm, một sát na, ba nghiệp mà Ngài tu tập, đều phát xuất từ tâm chân thực, và những sự việc Ngài tạo tác, nguyện cầu, cũng đều là chân thực.

Lại nữa, chân thực có hai loại: một là tự lợi chân thực, hai là lợi tha chân thực.

1/ Tự lợi chân thực, lại có hai loại:

a/ Dùng tâm chân thực, chế phục, xả bỏ những ác hạnh của mình và người, cùng những cõi nước thô ác; trong tất cả mọi thời, nghĩ tưởng các vị Bồ tát chế phục, xả bỏ ác hạnh, mình cũng phải nên như vậy.

b/ Dùng tâm chân thực, siêng tu tất cả pháp thiện, dùng tâm chân thực, tán thán Đức A Di Đà cùng y báo và chánh báo của cõi Cực Lạc.

Lại từ tâm chân thực, dùng khẩu nghiệp quở trách, nhằm chán tất cả y báo chánh báo thô ác của mình và người trong ba cõi sáu đường, lại tán thán những thiện hạnh của ba nghiệp thân khẩu ý của tất cả chúng sinh, còn đối với những chúng sinh không làm thiện, kính nhi viễn chi, mà cũng chẳng tùy hỷ việc làm của họ.

Lại từ tâm chân thực, dùng thân nghiệp chấp tay lễ kính, cúng dường y phục, thức ăn, ... đến Đức Phật A Di Đà, cùng y báo chánh báo của cõi Cực Lạc.

Lại từ tâm chân thực, dùng thân nghiệp, xem thường, nhằm chán y báo, chánh báo của mình và người trong ba cõi sinh tử này.

Lại từ tâm chân thực, dùng ý nghiệp suy ngẫm, quán sát, nhớ nghĩ Đức Phật A Di Đà, cùng y báo chánh báo của cõi Cực Lạc, giống như hiện đang trước mắt.

Lại từ tâm chân thực, dùng ý nghiệp xem thường, nhằm chán y báo, chánh báo của mình và người trong ba cõi sinh tử này.

Phải từ tâm chân thực, xả bỏ ba nghiệp bất thiện, và cũng phải từ tâm chân thực khởi ba nghiệp thiện thân khẩu ý.

Bất luận trong, ngoài, ngày, đêm, đều phải một lòng chân thực, cho nên gọi là chí thành tâm.

II. *Thâm tâm: Thâm tâm tức là lòng tin sâu, có hai loại:*

a/ Quyết định tin sâu rằng thân hiện tại của mình là phàm phu tội ác, từ vô thi đến nay, chìm đắm, trôi lặn trong sinh tử, không có nhân duyên để xuất ly.

b/ Quyết định tin sâu, không còn nghi ngờ đắn đo, rằng Đức A Di Đà có bốn mươi tám lời nguyện, nhiếp thọ chúng sinh, nương vào nguyện lực của Ngài ắt được vãng sinh.

Lại quyết định tin sâu rằng Đức Phật Thích Ca giảng nói Quán Kinh về ba phước, chín phẩm, định thiện, tán thiện, cùng chứng minh, tán thán y báo chánh báo của cõi Cực Lạc là để cho chúng sinh hâm mộ.

Lại quyết định tin sâu rằng trong kinh A Di Đà, mười phương chư Phật khuyến khích, chứng minh tất cả phàm phu quyết định được vãng sinh.

Đối với lòng tin sâu này, ngưỡng nguyện tất cả hành giả, một lòng chỉ tin lời Phật, không luyến tiếc thân mạng, quyết định phụng hành. Phật bảo xả bỏ, nhất định phải xả bỏ, Phật bảo hành trì, nhất định phải hành trì, Phật bảo vãng sinh, nhất định phải vãng sinh, đây gọi là tùy thuận lời Phật dạy, tùy thuận ý muốn của Phật, tùy thuận bốn nguyện của Phật. Đây gọi là Phật tử chân thực.

Tất cả hành giả, chỉ cần y theo Kinh này, tin tưởng hành trì, chắc chắn sẽ không bị sai lầm. Vì sao? Đức Phật là Bạc đầy đủ tâm đại bi, là Bạc nói lời thật. Từ Phật trở xuống, tất cả phàm thánh khác, trí hạnh chưa đầy đủ, vẫn còn trong giai đoạn học tập, chưa trừ sạch phiền não chướng và sở tri chướng, nguyện hạnh chưa tròn, những người như vậy, giả sử muốn suy lường trí của Phật, cũng chưa chắc suy lường nổi; tuy có bình luận, phán đoán, nhưng phải qua sự ấn chứng của Phật mới trở thành định án. Nếu như xứng ý của Phật, Ngài sẽ ấn khả: “Đúng vậy! Đúng vậy!”, nếu không xứng ý Phật, Ngài sẽ bảo: “Lời của ông nói, ý nghĩa không phải như vậy!” Không được ấn khả thì bị xem như lời nói không đáng ghi chép, hoàn toàn không lợi ích. Những điều Phật ấn khả, tức là tùy thuận chánh giáo của Phật, còn những lời Phật nói, thì tức là

chánh giáo, chánh nghĩa, chánh hành, chánh giải, chánh nghiệp, chánh trí, dù ít dù nhiều, cũng không cần hỏi Bồ tát, trời người là đúng hay sai! Nếu những lời Phật nói là liễu nghĩa, thì những lời của chư Bồ tát nói đều không liễu nghĩa. Phải nên biết như vậy!

Hiện nay ngưỡng mong quý vị có duyên với pháp Vãng sinh, chỉ nên tin sâu lời Phật, chuyên chú phụng hành, không nên tin những lời dạy không tương ứng của chư vị Bồ tát, khởi tâm nghi ngờ, tự làm chướng ngại, cố chấp mê mờ, mà đánh mất sự lợi ích lớn lao của sự vãng sinh.

Người có lòng tin sâu thiết, quyết định kiến lập tự tâm, thuận theo giáo pháp tu hành, vĩnh viễn dứt trừ nghi hoặc, lầm lẫn; quyết không vì tất cả giải ngộ khác biệt, hành trì khác biệt, sở học khác biệt, kiến giải khác biệt, sở thích khác biệt, mà làm cho mình thoái thất dao động.

Hỏi: Phàm phu trí tuệ nông cạn, tội chướng sâu dày, nếu gặp phải những người tu pháp môn khác đem những kinh luận khác ra dẫn chứng rằng: “Tất cả phàm phu tội chướng không thể vãng sinh”, làm thế nào để đối phó, hòng giữ vững lòng tin, quyết định tiến bước, không sinh khiếp nhược?

Đáp: Nếu có người đem kinh luận ra dẫn chứng rằng không có sự vãng sinh, hành giả nên trả lời với họ rằng: “Ông tuy đem kinh luận ra dẫn chứng sự không thể vãng sinh, nhưng theo thiện ý của tôi, quyết không tiếp thọ lời nói của ông. Vì sao? Tôi không phải không tin những lời ông nói, thực sự, tôi tin tưởng tất cả kinh luận đó, thế nhưng lúc Đức Phật giảng nói những kinh đó, xứ sở khác, thời gian khác, đối tượng thuyết pháp khác, sự lợi ích cũng khác; lại nữa, lúc Đức Phật giảng nói những kinh đó, không phải là lúc Ngài nói Quán Kinh, A Di Đà Kinh, v.v.. Và lại, Đức Phật nói pháp thích ứng cơ nghi, thời tiết không đồng, những kinh luận đó là nói chung về các giải hạnh cho hàng trời người và chư Bồ tát, còn hiện nay nói hai công hạnh định thiện và tán thiện trong Quán Kinh là cho hoàng hậu Vi Đề Hy, cùng cho tất cả chúng sinh ở trong đời ác năm trược sau khi Đức Phật diệt độ, xác chứng cho sự vãng sinh. Do nhân duyên này, hiện nay tôi nguyện một lòng y theo lời dạy của Phật, quyết định phụng hành. Giả sử ông dẫn

chứng trăm ngàn vạn ức kinh luận nói không vãng sinh, điều này chỉ càng làm tăng trưởng, thành tựu lòng tin của tôi đối với sự vãng sinh Cực Lạc”.

Hành giả nên nói với đôi phương: “Ông hãy lắng nghe, tôi nay nói thêm cho ông biết về lòng tin quyết định của tôi. Giả sử địa tiên Bồ tát, La hán, Bích chi phật, dù một hay nhiều người đầy khắp mười phương, đều dẫn chứng kinh luận nói không có sự vãng sinh, tôi cũng không khởi một niệm nghi ngờ, và điều đó cũng chỉ làm tăng trưởng thành tựu lòng tin thanh tịnh của tôi đối với sự vãng sinh. Vì sao? Vì lời Phật là quyết định thành tựu liễu nghĩa, tất cả thế gian đều không thể phá hoại được.

Ông nên nghe cho kỹ, giả sử chư Bồ tát từ Sơ địa đến Thập địa, dù một hay nhiều người đầy khắp mười phương, cùng nhau nói rằng: “Đức Phật Thích Ca tán thán Phật A Di Đà, quả trách ba cõi sáu đường, khuyến khích chúng sinh chuyên tâm niệm Phật và tu tập các công hạnh lành khác, sau khi lâm chung nhất định sẽ vãng sinh Cực Lạc, đây quyết là lời hư dối, không thể tin được.” Tôi tuy nghe những lời như thế, cũng không hề sinh khởi một niệm nghi ngờ, mà chỉ làm tăng trưởng thành tựu lòng tin quyết định bậc thượng thượng của tôi. Vì sao? Bởi vì lời của Phật là quyết định liễu nghĩa. Phật là Đấng Thực trí, Thực giải, Thực kiến, Thực chứng, không phải là người dùng tâm nghi hoặc mà nói; lại nữa, lời dạy của Ngài không thể bị những dị kiến, dị giải của các vị Bồ tát phá hoại; nếu như thật là Bồ tát, những vị ấy quyết không đi ngược lời Phật dạy.

Hành giả nên biết, giả sử như Hóa thân Phật, Báo thân Phật, hoặc một hoặc nhiều vị, đầy khắp mười phương, mỗi vị đều phóng ánh sáng, hiện tướng lưới rộng dài biến khắp mười phương, đều nói rằng: “Đức Phật Thích Ca tán thán Cực Lạc, khuyến phát tất cả phàm phu chuyên tâm niệm Phật, cùng tu các hạnh khác để được vãng sinh Cực Lạc, đây là điều hư dối, quyết định không có việc này.” Hành giả tuy nghe chư Phật nói lời như vậy, nhất định không khởi một niệm nghi ngờ, thoái chuyển, sợ rằng không vãng sinh Cực Lạc. Vì sao? Bởi vì một vị Phật, hay tất cả các vị Phật, các Ngài có cùng tri kiến, giải hạnh, chứng ngộ, quả vị, đại bi, v.v., hoàn toàn giống nhau, không một chút sai biệt, cho nên điều

mà một vị Phật chế định, tất cả vị Phật khác cũng đều chế định. Chẳng hạn như vị Phật trước cấm chế mười điều ác như sát sanh, v.v.; nếu rớt ráo không làm ác, không phạm ác, thì gọi là thập thiện, thập hạnh, và có nghĩa là tùy thuận lục độ; nếu có vị Phật sau ra đời, chẳng lẽ ngài lại sửa đổi mười điều thiện, khiến chúng sinh làm mười điều ác hay sao? Dựa vào đạo lý này để suy nghiệm, có thể biết rõ rằng lời nói, hành động của chư Phật không trái nghịch nhau. Nếu như Đức Thích Ca chỉ dẫn, khuyến khích tất cả phàm phu, trọn cuộc đời họ, chuyên niệm danh hiệu Phật, siêng tu các công hạnh, sau khi mạng chung, quyết định vãng sinh Cực Lạc, tức là các Đức Phật khác ở mười phương ắt cũng đều phải tán thán, khuyến khích, chứng minh cho sự giáo hóa này. Vì sao? Vì các Ngài đều chứng đắc đồng thể đại bi! Lời dạy của một Đức Phật tức là lời dạy của tất cả chư Phật, lời dạy của tất cả chư Phật cũng tức là lời dạy của một Đức Phật, chẳng hạn như Kinh A Di Đà nói: “Đức Thích Ca tán thán cảnh giới trang nghiêm của cõi Cực Lạc, lại khuyến khích tất cả phàm phu, một ngày cho đến bảy ngày, một lòng chuyên niệm danh hiệu của Đức A Di Đà, quyết định sẽ được vãng sinh”, kể đó, đoạn dưới nói: “Trong mười phương thế giới, mỗi phương có hàng hà sa chư Phật, đồng lên tiếng tán thán Đức Phật Thích Ca ở cõi ngũ trược, ác thời, ác thế giới, ác chúng sinh, ác kiến, ác tà, lúc chúng sinh không có lòng tin, mà có thể chỉ dẫn, tán thán danh hiệu Đức Phật A Di Đà, khuyên chúng sinh xưng niệm, quyết được vãng sinh, ...” Đây là một chứng minh cho sự nhất trí của chư Phật.

Mười phương chư Phật, e rằng chúng sinh không tin lời dạy của Phật Thích Ca, các Ngài bèn đồng tâm, đồng thời, hiện tướng lưỡi rộng dài, bao trùm các cõi tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thực: “Tất cả chúng sinh đều phải nên tin nhận lời dạy dỗ, tán thán, chứng tín của Phật Thích Ca. Tất cả phàm phu, bất luận tội phước nhiều ít, căn cơ cao thấp, chỉ cần trọn cả một đời, hoặc ít nhất là một ngày cho đến bảy ngày, một lòng chuyên niệm danh hiệu Phật A Di Đà, quyết định sẽ được vãng sinh, chắc chắn không còn nghi ngờ.” Bởi thế, lời dạy của một Đức Phật ắt sẽ được tất cả chư Phật chứng thành. Đây gọi là **từ người mà thiết lập lòng tin**.

Kế đến, từ công hạnh thiết lập lòng tin. Công hạnh có hai loại: một là chánh hạnh, hai là tạp hạnh, v.v., như phẩm Hai Hạnh ở trên đã nói, sợ phiền toái nên không ghi ra, xin người đọc hiểu ý.

III. Hồi hướng phát nguyện tâm: Nghĩa là đem tất cả thiện căn thế gian, xuất thế gian, hoặc do thân khẩu ý nghiệp tự tu tập, hoặc do thân khẩu ý nghiệp tùy hỷ công đức tu tập của tất cả phàm thánh, từ đời quá khứ cho đến hiện nay, dùng lòng tin thâm sâu chân thực, hồi hướng nguyện sanh Cực Lạc, đây gọi là hồi hướng phát nguyện tâm. Lại nữa, sự hồi hướng phát nguyện vãng sinh này, phải là do tâm chân thực quyết định, hồi hướng phát nguyện cầu sinh; lòng tin thâm sâu chân thực này, cứng chắc như kim cương, quyết không bị những người dị kiến, dị học, biệt giải, biệt hành, làm động loạn phá hoại. Chỉ nên một lòng quyết định, thẳng đường tiến bước, không được nghe lời kẻ khác, rồi phân vân lưỡng lự, sinh lòng sợ hãi, làm mất đi lợi ích lớn của sự vãng sinh.

Hỏi: Nếu như có người tu tạp hạnh, tà hạnh, không cùng kiến giải, hạnh nguyện, đến làm mê hoặc, não loạn, hoặc dùng đủ thứ luận điệu cho rằng không có sự vãng sinh, hoặc nói rằng chúng sinh từ vô thi đến nay, ba nghiệp thân khẩu ý, đối với tất cả phàm thánh, đã tạo đủ các tội, như thập ác, ngũ nghịch, phạm bốn giới trọng, hủy báng chánh pháp, làm nhất xiển đề, phá giới, phá kiến, v.v., chưa thể diệt hết, quả báo của những tội ác này là ác đạo trong ba cõi, làm sao có thể trong một đời tu phước, niệm Phật, mà có thể tức khắc chứng nhập vào cõi vô lậu vô sinh, vĩnh viễn chứng đắc bất thoái chuyển.

Đáp: Giáo, lý, hành, giải của chư Phật, số lượng nhiều hơn hằng sa, tất cả tùy theo cơ duyên, tình cảnh của chúng sanh mà thiết lập. Những điều có thể thấy có thể tin trên thế gian, chẳng hạn như ánh sáng phá trừ bóng tối, không gian có thể bao hàm vạn hữu, đất có thể chuyên chở, nuôi dưỡng vạn vật, nước đem đến sự tươi nhuận, lửa đem đến sự thành hoại của vạn vật, tất cả những sự việc này là pháp đối đãi, mà còn có thể đem đến ngàn muôn sự lợi ích khác nhau, huống là thần lực không thể nghĩ bàn của Phật pháp, lẽ nào không có muôn ngàn sự lợi ích?

Nếu như tạo một nghiệp, thì sẽ tự đem đến cho mình một phiền não, nếu như tu một pháp môn, thì sẽ bước vào một cửa trí tuệ giải thoát. Mọi người đều tùy theo nhân duyên của mình mà khởi hạnh tu tập, cầu mong sự giải thoát, ông vì có gì đem những pháp tu mà tôi không có duyên đến làm chướng ngại sự tu tập của tôi. Pháp môn mà tôi ưa thích, tức là pháp môn mà tôi có duyên, đây không phải là chỗ ông mong cầu; còn pháp môn mà ông ưa thích, tức là pháp môn mà ông có duyên, nó cũng không phải là chỗ tôi mong cầu, như vậy, mỗi người tùy theo ý thích của mình mà tu tập, ắt sẽ mau gặt được quả giải thoát.

Hành giả nên biết, nếu muốn học tập giải môn, thì từ phàm phu đến bậc thánh, nhĩn đến thành Phật, tất cả pháp môn đều phải học, còn nếu muốn tu tập hành môn, cần phải nương vào pháp môn mà mình có duyên, ít dùng sức, ít lao nhọc, mà được nhiều sự lợi ích.

Xin bân bạch cùng các hành giả tu hạnh Vãng sinh, hiện nay xin đưa ra một ví dụ, giúp cho hành giả giữ vững lòng tin của mình, không để cho bọn tà ma, ngoại đạo dị kiến lung lạc.

Ví như có người đi về hướng tây, trăm ngàn dặm đường, khoảng giữa lộ trình có hai dòng sông chắn ngang, dòng sông lửa ở phía nam, dòng sông nước ở phía bắc, mỗi dòng sông rộng độ một trăm bước, sâu không thấy đáy, hai phía nam bắc không thấy ngăn mé. Băng qua hai dòng sông nước và lửa, có một con đường trắng rộng độ hơn một tấc, từ bờ phía đông sang bờ phía tây, dài độ hai trăm bước. Bên phía dòng sông nước, sóng vỗ ào ạt, làm mặt đường trở thành trơn tuột, còn bên phía dòng sông lửa, lửa bốc mù mịt, làm cho mặt đường trở thành nóng bỏng, hai bên nước lửa tung tóe, không lúc nào ngừng. Người đó đến gần bờ sông, chung quanh đồng không mông quạnh, thốt nhiên có lũ đạo tặc và ác thú, thấy người đó đơn độc bèn đuổi theo muốn sát hại, người đó sợ chết bèn bỏ chạy về hướng tây, thấy hai dòng sông lớn này, trong lòng tự nghĩ: “Dòng sông này dài không thấy đầu đuôi, băng ngang là một con đường trắng nhỏ hẹp, hai bờ tuy cách nhau không xa, nhưng làm sao qua được. Hôm nay chắc bị chết ở chốn này!” Vừa muốn quày đầu, liền thấy lũ đạo tặc và ác thú phía sau đã đến gần kề, nếu muốn đi về phía nam hoặc bắc thì lại

bị ác thú, rắn độc đón đầu, muốn theo con đường chạy về phía tây, lại sợ hai con sông nước, lửa. Trong lúc đang bàng hoàng sợ hãi, bèn tự nghĩ thầm: “Bây giờ quay lại cũng chết, đứng lại cũng chết, đi tới cũng chết, đường nào cũng chết, chi bằng cứ theo phía trước mà tiến bước, nếu đã có con đường này, ắt sẽ thoát hiểm!” Vừa nghĩ như vậy, bỗng nghe bên bờ phía đông (phía sau) có tiếng người khuyến khích: “Ông nên kiên quyết đi về hướng tây, ắt không còn nguy hiểm, nếu đứng lại thì sẽ chết.” Lại nghe bên bờ phía tây (trước mặt) có tiếng người gọi: “Ông nên một lòng chánh niệm đi thẳng qua đây, ta sẽ bảo vệ cho ông, không nên sợ bị rơi xuống nước, lửa.” Người đó nghe tiếng hai phía, bên khuyên bên gọi, tức thời chấn chỉnh thân tâm, quyết định không còn rụt rè nghi ngại, đi thẳng theo con đường trước mặt. Vừa mới đi được một đoạn, bỗng nghe bọn đạo tặc bên bờ phía đông kêu réo: “Ông hãy quay lại, con đường trước mặt rất hiểm nghèo không qua được, chắc chắn sẽ bị chết, chúng tôi không có ác ý gì với ông!” Người đó tuy nghe tiếng kêu réo, vẫn nhất quyết không quay đầu, một lòng lần theo con đường đi thẳng tới trước, không bao lâu đã qua đến bờ bên kia, vĩnh viễn lìa xa ách nạn, gặp lại bạn bè, vô cùng hạnh phúc.

Ở đây, bờ phía đông ví cho cõi nhà lửa Ta bà, bờ phía tây ví cho cõi nước báu Cực Lạc, lũ đạo tặc và ác thú giả vờ thân thiện ví cho cho sáu căn, sáu thức, sáu trần, ngũ ấm, tứ đại, v.v..; đồng không mông quạnh ví cho sự việc thường theo bọn ác tri thức, không gặp được thiện tri thức chân thực; hai con sông nước, lửa ví cho chúng sinh tham ái giống như nước, sân ghét giống như lửa; con đường trắng rộng độ hơn một tấc ví cho trong sự tham sân phiền não của chúng sinh, có thể sinh khởi tâm nguyện vãng sinh thanh tịnh. Lại như tâm tham sân si hãy hừng, nên ví với nước lửa, còn tâm thiện yếu ớt, nên ví với con đường trắng nhỏ hẹp. Lại nữa, “sóng vô ào ạt làm mặt đường trở nên trơn tuột”, ví cho tâm tham ái thường khởi động làm nhiễm ô thiện căn; “lửa bốc mù mịt làm mặt đường trở thành nóng bỏng”, ví cho tâm hiểm hận có thể thiêu đốt công đức pháp tài; “người đi về phía tây”, ví cho sự hồi hướng các công hạnh tu tập để vãng sinh Cực Lạc; “nghe bên bờ phía đông có tiếng người khuyến khích, bèn đi về phía tây”, ví cho sau khi Đức Thích Ca diệt độ, người đời sau tuy không còn thấy được Ngài, nhưng vẫn còn giáo pháp để lại, giống như âm thanh

(lời dạy); “vừa mới đi một đoạn, nghe bọn đạo tặc kêu réo”, vì cho những người biệt giải, biệt hành, hoặc những kẻ ác kiến, v.v., dùng những luận điệu mê hoặc não loạn, làm cho hành giả thoái thất đạo tâm; “bờ phía tây có tiếng người gọi”, ví cho nguyện ý của Đức A Di Đà; “không bao lâu qua đến bờ bên kia, gặp lại bạn bè”, ví cho chúng sinh đắm chìm trong sinh tử, luân hồi dài lâu, mê hoặc điên đảo, tự trói tự buộc, không được giải thoát, nhờ ơn Đức Thích Ca chỉ dạy pháp môn Tây Phương Tịnh Độ, lại nhờ ơn Đức A Di Đà thiết tha mời gọi, hiện nay tin tưởng, thuận theo ý nguyện của hai Ngài, không quan tâm đến hai dòng sông nước, lửa, tâm tâm niệm niệm hướng về Tây Phương, nương theo con đường nguyện lực của Phật, sau khi mệnh chung, vãng sinh Cực Lạc, được diện kiến Đức A Di Đà, vui mừng không tả xiết.

Lại nữa, tất cả hành giả, trong lúc đi đứng nằm ngồi, ba nghiệp tu tập, bất luận ngày đêm sáng tối, thường phải nên hiểu như vậy, nghĩ như vậy, cho nên gọi là “hồi hướng phát nguyện tâm”.

Lại nữa, hồi hướng còn có nghĩa là sau khi vãng sinh Cực Lạc, khởi tâm đại bi, quay trở lại cõi sinh tử, giáo hóa chúng sinh, đây cũng gọi là hồi hướng.

Ba tâm đầy đủ, không hạnh nào không thành tựu, nguyện hạnh đã thành tựu, không thể nào không vãng sinh Cực Lạc. Lại nữa, phải nên biết rằng tâm này bao hàm tất cả ý nghĩa của hai hạnh định thiện và tán thiện.

Vãng Sinh Lễ Tán nói: “Hỏi: Nay muốn khuyên người khác vãng sinh, không biết ba pháp an tâm, khởi hạnh và tác nghiệp, pháp nào giúp hành giả nhất định sẽ được vãng sinh? Đáp: Muốn vãng sinh Cực Lạc, như Quán Kinh có nói, phải đầy đủ ba tâm mới được vãng sinh, ba tâm đó là:

1/ Chí thành tâm: nghĩa là thân nghiệp lễ bái Phật A Di Đà, khẩu nghiệp tán thán xưng dương Phật A Di Đà, ý nghiệp chuyên niệm quán sát Phật A Di Đà. Lúc khởi ba nghiệp, cần phải chân thực, nên gọi là chí thành tâm.

2/ *Thâm tâm: nghĩa là lòng tin chân thực. Tin hiểu rằng tự thân mình là một phàm phu đầy phiền não, thiện căn mỏng ít, trôi lăn ba cõi, không ra khỏi nhà lửa, hiện nay tin bốn nguyện hoàng thế của Phật A Di Đà, xưng niệm danh hiệu, ít nhất là mười tiếng, một tiếng, v.v., quyết định sẽ được vãng sinh, trong tâm không còn một niệm nghi ngờ, nên gọi là thâm tâm.*

3/ *Hồi hướng phát nguyện tâm: tất cả thiện căn tu tập được, đều hồi hướng cầu vãng sinh Cực Lạc, nên gọi là hồi hướng phát nguyện tâm.*

Đầy đủ ba tâm này, ắt sẽ được vãng sinh, nếu như thiếu một, thì không được vãng sinh, như Quán Kinh đã nói rõ, phải nên biết như vậy.”

Lời bàn: Ba tâm được dẫn giải ở trên là ba điều trọng yếu cho hành giả. Vì sao? Quán Kinh nói: **“Đầy đủ ba tâm ắt sinh Cực Lạc”**, rõ ràng là đầy đủ ba tâm chắc chắn sẽ được vãng sinh. Thích Tịnh Độ Quân Nghi Luận nói: “Nếu thiếu một tâm, không được vãng sinh”, rõ ràng là nếu thiếu một tâm, càng không được vãng sinh. Nhân đây, người muốn vãng sinh Cực Lạc, phải có đầy đủ ba tâm.

Trong đây, chí thành tâm tức là tâm chân thực, tương trạng như vừa được mô tả ở trên. Thế nhưng “bên ngoài hiện tướng hiền thiện tinh tấn, còn bên trong thì giả dối hư ngụy”, bên trong và bên ngoài tương phản, nghĩa là bên ngoài có vẻ trí tuệ mà bên trong thì ngu si; hiền là trái với ngu, nghĩa là ngoài thì hiền mà trong thì ngu; thiện là trái với ác, tinh tấn là trái với biếng nhác, nghĩa là bên ngoài hiện tướng tinh tiến, bên trong lòng lại biếng lười. “Bên trong giả dối hư ngụy, v.v.”, bên trong là đối với bên ngoài mà nói, nghĩa là sự nghĩ ngợi trong lòng và tương trạng hiện ra bên ngoài hoàn toàn trái ngược nhau.

Kê đến, thâm tâm, tức là lòng tin sâu xa. Nên biết:

*Nghi ngờ là nguyên nhân giữ chúng sinh trong nhà sinh tử.
Lòng tin là động lực đưa hữu tình vào thành Niết Bàn.*

Bởi thế, hiện nay kiến lập hai loại tín tâm, là để quyết định vãng sinh chín phẩm liên hoa. Lại nữa, trong đây nói tất cả biệt giải, biệt hành, dị học, dị kiến, v.v., là chỉ cho giải, hành, học, kiến của Thánh Đạo Môn, còn những công hạnh khác là chỉ cho Tịnh Độ Môn. Điều này có thể thấy rõ trong kinh. Như vậy, bản ý của ngài Thiện Đạo cũng không ra ngoài phạm vi của hai môn Thánh Đạo và Tịnh Độ.

Ngoài ra, nên biết rằng ý nghĩa của “hồi hướng phát nguyện tâm”, cũng không thể giải thích cách khác được.

Ba tâm này, nếu nói tổng quát, là chỉ chung cho tất cả pháp hành, còn nếu nói riêng rẽ, là chỉ riêng cho công hạnh vãng sinh. Nay nêu ra “chung” để bao quát “riêng”, ý nghĩa ắt sẽ đầy đủ. Hành giả phải nên để ý, không được sơ suất.

Chương Chín

Tứ Tu

Hành giả Niệm Phật, nên thực hành pháp tứ tu.

Vãng Sinh Lễ Tán của ngài Thiện Đạo nói: Lại khuyên thực hành pháp tứ tu. Tứ tu là gì?

*Một là **cung kính tu**, nghĩa là cung kính lễ bái Đức Phật A Di Đà và chư thánh ở cõi Cực Lạc, nên gọi là cung kính tu; thệ nguyện suốt đời tu tập, quyết không bỏ cuộc giữa chừng, tức là **trường thời tu**.*

*Hai là **vô dư tu**, nghĩa là chuyên tâm xưng danh hiệu Phật A Di Đà, chuyên tâm ức niệm, chuyên tâm quán tưởng, chuyên tâm lễ bái, chuyên tâm tán thán Đức Phật A Di Đà và chư thánh ở cõi Cực Lạc, không tu hạnh nào khác, nên gọi là vô dư tu; thệ nguyện suốt đời tu tập, quyết không bỏ cuộc giữa chừng, tức là **trường thời tu**.*

*Ba là **vô gián tu**, nghĩa là cung kính, lễ bái, xưng danh, tán thán, tưởng nghĩ, quán sát, hồi hướng, phát nguyện, niệm niệm tương tục, không để các hành nghiệp khác làm cho gián đoạn, cho nên*

gọi là vô gián tu; hơn nữa, không để các phiền não thâm làm gián đoạn, nếu vi phạm lời Phật dạy, liền phải sám hối, không nên trì hoãn, dù là một niệm, một khoảng thời gian ngắn, hoặc một ngày, thường giữ cho thanh tịnh, đây cũng gọi là vô gián tu; thế nguyện suốt đời tu tập, quyết không bỏ cuộc giữa chừng, tức là trường thời tu.

Tây Phương Yếu Quyết nói: Chuyên tu pháp Tứ tu, dùng đây làm chánh niệm.

Một là trường thời tu: từ lúc sơ phát tâm, cho đến lúc thành Phật, thường tu tịnh nghiệp, quyết định không thoái chuyển.

Hai là cung kính tu, có năm phần:

a/ Cung kính bậc thánh có duyên với mình, nghĩa là bất cứ lúc nào, dù đi đứng nằm ngồi, đều không nên quay lưng về hướng tây, còn những lúc khạc nhổ, thì lại không được quay mặt về hướng tây.

b/ Cung kính tôn tượng, giáo pháp có duyên với mình, nghĩa là tạo lập thánh tượng của Đức A Di Đà và cõi Cực Lạc; nếu không thể tạo nhiều, chỉ cần tạo lập tượng của Đức A Di Đà và hai vị Bồ tát cũng được; giáo pháp tức là kinh A Di Đà, Vô Lượng Thọ, v.v., nên dùng túi ngũ sắc bọc lại, tự mình đọc tụng, đồng thời chỉ bảo người khác; đặt để kính, tượng trong phòng ốc trang nghiêm, sáu thời lễ bái, sám hối, dùng hương hoa cúng dường, đặc biệt sanh lòng tôn trọng.

c/ Cung kính thiện tri thức có duyên với mình, nghĩa là đối với những bậc tuyên giảng giáo pháp Tịnh Độ, trong vòng ngàn do tuần, cho đến mười do tuần trở lại, đều phải kính trọng, tìm đến gần gũi, cúng dàng; đối với những vị thuộc về giáo phái khác, cũng phải giữ lòng kính trọng; đối với người không đồng pháp tu với mình, cũng phải kính trọng sâu xa, nếu như sinh lòng khinh mạn, sẽ bị tội vô cùng, cho nên cần phải cung kính để diệt trừ chướng ngại cho sự tu hành.

d/ Cung kính bạn đồng tu có duyên với mình, nghĩa là tự mình tội chướng sâu nặng, đạo nghiệp chưa thành, cần phải nhờ vào bạn đạo mới có thể tu tập, cứu giúp nhau trong những lúc nguy khốn, hoạn nạn, trợ lực cho nhau trong sự nghiệp tu hành, do đây đồng bạn thiện duyên, phải nên lo lắng, chăm sóc cho nhau.

e/ Cung kính Tam bảo, đối với Đồng thể Tam bảo và Biệt tướng Tam bảo, đều phải thâm tâm kính trọng, ở đây không nói nhiều. Các hành giả trình độ nông cạn, chưa thể y vào đây (Đồng thể, Biệt tướng) mà tu tập được, hiện nay chỉ có Trụ trì Tam bảo là có thể làm đại nhân duyên cho những hành giả sơ cơ mà thôi. Ở đây xin nói sơ lược: Phật bảo, tức là những hình tượng tạc bằng gỗ chiên đàn, hoặc thêu trên gấm, trên lụa, hoặc dũa ngọc, đúc vàng, hoặc mài đá, hoặc vẽ trên lụa, hoặc nặn bằng đất, v.v.. Những hình tượng này phải nên đặc biệt tôn kính, cúng dường! Tạm thời quán tưởng hình tượng sẽ diệt tội chướng, tăng phước báo, còn nếu sinh lòng khinh mạn sẽ tăng ác nghiệp, mất thiện căn. Chỉ cần quán tưởng hình tượng, ắt thường được thấy Phật thật. Pháp bảo, tức là giáo pháp tông chỉ của ba Thừa, lưu xuất từ pháp giới, những điều được giảng giải có thể sinh khởi nhân duyên giải thoát, bởi thế phải nên kính ngưỡng, cầu mong trở thành cơ sở phát sinh trí tuệ. Kinh điển được sao chép, phải nên an trí trong phòng ốc sạch sẽ, dùng hộp rương cất chứa, tôn trọng kính tin. Lúc đem ra đọc tụng, thân thể, y phục đều phải sạch sẽ, khiết tịnh. Tăng bảo, tức là từ các bậc Thánh tăng, Bồ tát, nhân đến những kẻ phá giới phạm trai, đều phải dùng tâm bình đẳng tôn kính, không nên sinh lòng kiêu mạn.

Ba là vô gián tu, nghĩa là thường niệm Phật, nghĩ đến sự vãng sinh, trong tất cả mọi thời, tâm thường tưởng niệm, ví như có người bị kẻ khác cướp đoạt hết tài sản, trở thành người bần hàn hạ tiện, chịu nhiều gian khổ, bỗng nhiên nhớ đến cha mẹ, lòng muốn trở về quê hương, tuy chưa chuẩn bị hành lý, thân còn ở xứ người, nhưng ngày đêm tưởng nhớ, sâu não muôn phần, không lúc nào mà không tưởng nghĩ đến cha mẹ, sau đó, khi thực hiện được nguyện vọng, trở về cố hương, gần gũi cha mẹ, vô cùng khoái lạc. Người tu Tịnh Độ cũng thế, bị nhân duyên phiền não đời quá khứ, phá hoại động loạn thân tâm, tài sản phước trí trân bảo thấy đều mất hết, trôi lăn dài lâu trong sinh tử, không được tự

do, thường làm nô bộc cho ma vương (phiên não), bị xô dạt vào sáu nẻo, thống khổ thân tâm, nay gặp được thiện duyên, hốt nhiên được nghe đến Đức Từ Phụ A Di Đà không quên bốn nguyện cứu độ chúng sinh, bèn ngày đêm bâng hoàng, phát tâm cầu sinh Cực Lạc; bởi thế phải nên tinh tiến cần mẫn, quên cả mệt nhọc, thường nghĩ đến ơn của Phật, nguyện báo ơn sâu, tâm thường nghĩ nhớ.

Bốn là vô dư tu, nghĩa là chuyên tâm cầu sinh Cực Lạc, lễ bái, tưởng niệm Đức A Di Đà, không tu các tạp hạnh khác, nếu như đã tu, cũng nên hoãn lại, còn việc niệm Phật, tụng kinh, thì không nên xao lãng.

Lời bàn: Hỏi: Chúng ta đã thấy qua đoạn văn của ngài Thiện Đạo về Tứ tu, thế nhưng, tựa đề tuy nói tứ tu, đoạn văn chỉ giải thích tam tu, đây là do đoạn văn thiếu sót, hay là có thâm ý khác?

Đáp: Đây không phải do đoạn văn thiếu sót, mà thực sự có thâm ý. Vì sao biết được? Tứ tu, tức là (a) trường thời tu, (b) ân trọng tu (cung kính tu), (c) vô dư tu, và (d) vô gián tu, nhưng ở đây dùng pháp tu đầu (trường thời) làm hạnh chung cho ba pháp tu kia, ví như pháp ân trọng (cung kính) tu, nếu thoái hạnh ân trọng, ắt không thể thành tựu, pháp vô dư tu, nếu thoái hạnh vô dư, ắt không thể thành tựu, pháp vô gián tu, nếu thoái hạnh vô gián, ắt không thể thành tựu; vì muốn thành tựu ba hạnh này, cho nên đem trường thời tu thêm vào ba pháp tu trên, làm pháp tu chung, cho nên phần dưới của ba pháp tu đều có đoạn **“thệ nguyện suốt đời tu tập, quyết không bỏ cuộc giữa chừng, tức là trường thời tu”**, giống như tinh tiến ba la mật là chung cho các ba la mật kia vậy!

Chương Mười **Hóa Phật Tán Thán**

Hóa thân của Đức A Di Đà đến tiếp dẫn, không tán thán hạnh lành nghe kinh, mà chỉ tán thán công hạnh Niệm Phật.

Quán Vô Lượng Thọ Kinh nói: “Hoặc có chúng sinh, tuy không phỉ báng kinh điển Phương đẳng, nhưng tạo nhiều ác nghiệp không biết hổ thẹn, kể ấy khi lâm chung gặp thiện tri thức nói cho nghe danh đề của mười hai loại kinh Đại thừa, liền được

trừ nghiệp ác rất nặng trong một ngàn kiếp, bậc thiện tri thức lại bảo phải chấp tay niệm: “Nam Mô A Di Đà Phật”, do đương như thành tâm xưng danh niệm Phật, nên tiêu trừ tội trong năm mươi ức kiếp sanh tử, ngay khi ấy, Đức Vô Lượng Thọ Như Lai cảm biết, liền sai Hóa Phật, Hóa Quán Thế Âm, Hóa Đại Thế Chí hiện đến trước mặt hành giả khen rằng: “Lành thay thiện nhân! Ông đã xưng danh hiệu Phật, nên các tội tiêu diệt, ta đến đây để rước ông.”

Quán Kinh Sớ nói: Đức Hóa Phật tán thán, chỉ nói do công hạnh xưng danh Niệm Phật mà đến tiếp dẫn, chứ không đề cập đến công hạnh nghe kinh. Xét nguyện ý của Phật, chỉ là khuyến khích chánh niệm xưng danh, mau được vãng sinh, không đồng với các công hạnh tạp thiện hoặc tán thiện. Quán Kinh và các bộ kinh Tịnh Độ khác, chỗ nào cũng khen ngợi, khuyến khích hành giả xưng danh hiệu Phật, và đó là sự ích lợi trọng yếu. Phải nên nhớ điều này!

Lời bàn: Hạnh lành nghe kinh không phải là bản nguyện của Phật, vì là tạp nghiệp cho nên Hóa Phật không tán thán. Công hạnh Niệm Phật là bản nguyện của Phật, vì là chánh nghiệp cho nên Hóa Phật tán thán, hơn nữa, nghe kinh và niệm Phật, sự diệt tội ít nhiều cũng không giống nhau. Quán Kinh Sớ nói:

Hỏi: Vì sao nghe đề kinh của mười hai phân giáo, chỉ tiêu trừ ngàn kiếp tội chướng, trong khi chỉ cần niệm một danh hiệu Phật, liền có thể diệt trừ năm trăm vạn kiếp tội chướng, ý này thế nào?

Đáp: Nghiệp chướng của người tạo tội rất sâu dày, hơn nữa, nỗi khổ của sự chết đến bức bách, bậc thiện tri thức tuy nói nhiều đề kinh, tâm lãnh thọ của người nghe phù động tán loạn, do tâm phù động tán loạn, nên sự diệt tội tương đối ít, còn danh hiệu Phật là một, cho nên có thể thu nhiếp sự tán loạn, làm tâm an trụ, vả lại, bậc thiện tri thức lại bảo người sắp chết chánh niệm xưng danh hiệu Phật, do tâm tha thiết trân trọng, cho nên có thể diệt trừ nhiều kiếp tội chướng.

Chương Mười Một

Tán Thán Niệm Phật

Đôi với các hạnh tạp thiện mà khen ngợi công hạnh Niệm Phật

Quán Vô Lượng Thọ Kinh nói: Nếu có người niệm Phật, nên biết người đó là hoa Phân đà lợi trong loài người, các vị Bồ tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí là bạn lành của người đó, người đó sẽ ngòl đạo tràng, sinh vào nhà Phật.

Quán Kinh Sớ nói: Từ câu “Nếu có người niệm Phật”, cho đến câu “sinh vào nhà Phật”, chánh thức nói rõ công năng siêu tuyệt của Niệm Phật Tam Muội. Trên thực tế, không phải những công hạnh tạp thiện có thể so sánh được. Có năm phần:

a/ Chuyên niệm danh hiệu Phật A Di Đà,

b/ Tán thán hành giả Niệm Phật,

c/ Người nào có thể niệm Phật không gián đoạn, người đó rất là hiếm có, cho nên ví như hoa Phân Đà Lợi (sen trắng). Phân Đà Lợi, là hoa đẹp trong loài người, là hoa hiếm có, là hoa bậc thượng thượng, là hoa diệu hảo trong loài người. Nếu người nào niệm Phật, người đó là người tốt trong loài người, người diệu hảo, người bậc thượng thượng, người hiếm có, người thù thắng nhất trong loài người.

d/ Người chuyên niệm danh hiệu Phật A Di Đà, thì các ngài Quán Âm, Thế Chí thường theo bảo hộ như bóng với hình, cũng giống như bạn thân, hoặc thiện tri thức.

e/ Đời này được lợi ích như vậy, sau khi mệnh chung sẽ sinh vào nhà Phật, tức là vãng sinh Tịnh Độ, đến đó thường được nghe pháp, phụng sự chư Phật, nhân viên quả mãn, ngày ngòl đạo trường đâu còn xa xăm gì nữa?

Hỏi: Quán Kinh nói: “***Nếu có người niệm Phật, nên biết người đó, v.v.***”, đây tuy là khen ngợi hành giả Niệm Phật, thế nhưng nhà chú giải lại nói: “***Trên thực tế, không phải những hạnh tạp thiện***

có thể so sánh được”, đem Niệm Phật so sánh với tạp thiện để đặc biệt khen ngợi Niệm Phật là có ý gì?

Đáp: Lời Kinh tuy tàng ẩn, nhưng ý nghĩa lại rất rõ ràng. Lý do biết được là vì Kinh này đã nói đến các công hạnh định thiện, tán thiện, cùng công hạnh Niệm Phật, thế nhưng lại đặc biệt nêu lên pháp Niệm Phật để ví với hoa Phân Đà Lợi. Nếu như không so sánh với tạp thiện, làm sao có thể nêu lên công đức Niệm Phật vượt hơn các hạnh lành khác. Và lại, nói “người Niệm Phật là người tốt trong loài người” là so với cái “xấu” mà nêu cái “tốt”, nói “người diêu hảo trong loài người” là so với cái “thô ác” mà nêu cái “diêu hảo”, nói “người bậc thượng thượng trong loài người” là so với cái “hạ hạ” mà nói cái “thượng thượng”, nói “người hiếm có trong loài người” là so với cái “thông thường” mà nói cái “hiếm có”, nói “người thù thắng trong loài người” là so với cái “hạ liệt nhất” mà khen cái “thù thắng nhất”.

Hỏi: Nếu đã cho rằng xưng danh hiệu Phật là bậc “thượng thượng”, tại sao trong phẩm thượng thượng lại không nói đến, mà phải đợi đến phẩm hạ hạ mới nói đến niệm Phật?

Đáp: Phần trên đã chẳng nói công hạnh Niệm Phật là chung cho chín phẩm hay sao? Như phần trên đã dẫn Văn Sinh Yếu Tập nói: “Tùy theo sự thắng, liệt mà phân làm chín phẩm”. Và lại, hạ phẩm hạ sinh là kẻ phạm tội nặng ngũ nghịch, các công hạnh khác không thể trừ diệt tội nghịch, chỉ có công lực Niệm Phật mới có thể trừ diệt những tội nặng đó, do đó, vì kẻ cực ác thấp hèn nhất mà nói pháp cực thiện cao quý nhất, ví như căn bệnh vô minh sâu dày, nếu không có liều thuốc Trung đạo, thì không thể trừ diệt được. Hiện nay, căn bệnh ngũ nghịch sâu nặng này, nếu không có liều thuốc Niệm Phật linh ứng, thì làm sao trị liệu được? Bởi thế, ngài Hoàng Pháp Đại Sư trong Nhị Giáo Luận đã dẫn Lục Ba La Mật Kinh nói: *“Pháp bảo thứ ba, nghĩa là chánh pháp mà vô lượng chư Phật đời quá khứ đã nói, cũng như ta hiện nay đang nói, tức là tám vạn bốn ngàn diệu pháp, dùng để điều phục, thuần thục các chúng sinh có duyên, làm cho các đệ tử lớn của ta, như A Nan Đà, v.v., nghe qua một lần, đều có thể ghi nhớ, hành trì. Các pháp có thể phân làm năm tạng: (1) tổ đất lăm*

(kinh), (2) tỳ nại da (luật), (3) a tỳ đạt ma (luận), (4) bát nhã ba la mật, (5) đà la ni môn. Năm tạng này giáo hóa hữu tình, tùy theo căn cơ mà giảng nói. Nếu như chúng sinh đó ưa ở núi rừng, thích sống nhàn nhã tĩnh mịch, tu tập thiền định, thì nên vì họ mà giảng nói tạng tổ đất lã. Nếu chúng sinh đó ưa thích tu tập uy nghi, hộ trì chánh pháp, tu pháp lục hòa, làm cho chánh pháp trụ thế dài lâu, thì nên vì họ giảng nói tạng tỳ nại da. Nếu chúng sinh đó ưa thích giảng nói chính pháp, phân biệt tính tướng, nghiên cứu truy tầm cứu cánh thâm sâu, thì nên vì họ giảng nói a tỳ đạt ma. Nếu chúng sinh đó ưa thích học tập trí tuệ chân thực của Đại thừa, xa lìa sự chấp trước phân biệt về ngã và pháp, thì nên vì họ giảng nói tạng bát nhã ba la mật. Nếu chúng sinh đó không thể thọ trì khế kinh, điều phục (luật), đối pháp (luận), bát nhã, hoặc có chúng sinh tạo các nghiệp ác, phạm bốn giới trọng, tám giới trọng, năm tội vô gián, phỉ báng Đại thừa, hoặc là nhất xiển đề, v.v., nếu muốn tiêu diệt tất cả tội nặng, mau được giải thoát, đốn ngộ Niết bàn, thì nên vì họ mà giảng nói tạng đà la ni. Năm pháp tạng này, ví như nhũ (sữa), lạc, sinh tô, thực tô và diệu đề hồ. Khế kinh như nhũ, điều phục như lạc, đối pháp như sinh tô, Đại thừa Bát nhã như thực tô, còn tổng trì (đà la ni) môn như đề hồ. Trong các mùi vị của nhũ, lạc, v.v., mùi vị của đề hồ là vị diệu đệ nhất, có thể trừ diệt bệnh tật, làm cho thân tâm của hữu tình được an lạc. Trong các loại như khế kinh, v.v., tổng trì môn là đệ nhất, có thể trừ diệt tội nặng, làm cho chúng sinh được giải thoát khỏi sinh tử, mau chứng Niết bàn, an lạc pháp thân.”

Trong đây, năm tội vô gián tức là năm tội nghịch, nếu như không có thuốc thần diệu đề hồ, thì năm bệnh vô gián này khó mà trị liệu. Niệm Phật cũng như thế, trong các giáo pháp vãng sinh, Niệm Phật Tam Muội, cũng giống như tổng trì, và cũng giống như đề hồ. Nên biết, nếu không có thuốc đề hồ Niệm Phật Tam Muội, thì năm bệnh nặng vô gián, khó lòng mà trị liệu.

Hỏi: Nếu vậy, hạ phẩm thượng sinh là người phạm mười tội ác nhẹ, tại sao lại nói Niệm Phật?

Đáp: Niệm Phật Tam Muội còn trừ diệt tội nặng, huống là tội nhẹ! Các công hạnh khác không được như thế, hoặc là diệt được tội nhẹ mà không diệt được tội nặng, hoặc là trừ diệt một tội mà không

thể trừ diệt hai tội, Niệm Phật không giống như vậy, trừ diệt tội nặng lẫn tội nhẹ, đối trị tất cả, ví như thuốc a già đà có thể trị lành tất cả bệnh, cho nên Niệm Phật Tam Muội là vua trong các tam muội. Chín phẩm hợp lại, chỉ có một nghĩa. Nếu như kẻ phạm ngũ nghịch hồi tâm, có thể vãng sinh bậc thượng thượng. Công hạnh đọc tụng Đại thừa vẫn có thể vãng sinh hạ phẩm hạ sinh. Tội thập ác bậc hạ, tội phạm giới bậc trung, mỗi việc đều có thể vãng sinh phẩm thượng lẫn phẩm hạ. Các công hạnh Hiếu đê nhất nghĩa, phát Bồ đề tâm, cũng đều có thể vãng sinh thượng phẩm lẫn hạ phẩm. Mỗi pháp đều có chín phẩm, tính ra tổng cộng có tám mươi một phẩm, hơn nữa, ngài Ca Tì nị nói: *“Chúng sinh tu tập công hạnh, có ngàn loại khác nhau, đến lúc vãng sinh thấy cõi Cực Lạc, thì cũng có vạn sự sai khác.”* Hành giả không nên chấp trước vào mặt chữ!

Trong đây, Niệm Phật là công hạnh thù thắng, cho nên ví với hoa Phân Đà Lợi; hơn nữa, các ngài Quán Âm, Thế Chí theo bên bảo hộ như bóng theo hình, không tạm xa lìa, các công hạnh khác không được như vậy, lại nữa, hành giả Niệm Phật, sau khi mạng chung, quyết định vãng sinh Cực Lạc thế giới. Tu các công hạnh khác thì không nhất định.

Người tu tịnh độ được năm điều vinh hạnh, lại được hai vị Đại Bồ tát thường theo bên hộ trì, đây là lợi ích hiện đời, lại được vãng sinh Tịnh Độ, cho đến lúc thành Phật, đây là lợi ích tương lai.

Lại nữa, ngài Đạo Xước đối với công hạnh Niệm Phật, cũng đã thiết lập hai sự lợi ích hiện đời và lợi ích rốt ráo. An Lạc Tập nói: *Chúng sinh niệm Phật, được Phật nhiếp thọ, thủ hộ không gián đoạn, khi mệnh chung được vãng sinh, đây gọi là lợi ích hiện đời.* Còn lợi ích rốt ráo là như Quán Âm Thọ Ký Kinh nói: *“Phật A Di Đà trụ thế lâu dài, hằng sa vô lượng kiếp, cũng có lúc diệt độ, lúc nhập Niết bàn, chỉ còn hai ngài Quán Âm, Thế Chí trụ trì cõi An Lạc, tiếp dẫn mười phương chúng sinh. Sau khi Đức Phật A Di Đà diệt độ, hoàn cảnh cũng giống như khi ngài trụ thế, thế nhưng, tất cả chúng sinh ở cõi Cực Lạc không ai thấy ngài, chỉ riêng những người chuyên tâm niệm danh hiệu Phật A Di Đà vãng sinh, thường thấy Đức A Di Đà, hiện trụ tại thế, không hề diệt độ.”* Đây tức là lợi ích rốt ráo.

Như vậy, Niệm Phật có những sự lợi ích hiện tại, vị lai, cùng lợi ích hiện đời và lợi ích rất ráo.

Chương Mười Hai

Phó Chúc Niệm Phật

Đức Thế Tôn không phó chúc ngài A Nan các hạnh định thiện và tán thiện, mà chỉ riêng phó chúc công hạnh Niệm Phật.

Quán Vô Lượng Thọ Kinh nói: Đức Phật bảo ngài A Nan: “Ông nên khéo hộ trì kinh này, hộ trì kinh này tức là trì niệm danh hiệu Vô Lượng Thọ Phật”.

Quán Kinh Sớ nói: Từ câu “Đức Phật bảo ngài A Nan: Ông nên khéo hộ trì ..”, chính thức nêu rõ sự phó chúc “danh hiệu Phật A Di Đà”, khiến lưu truyền dài lâu đời sau. Từ trước đến nay, tuy nói sự lợi ích của hai môn định thiện và tán thiện, xét kỹ bốn nguyện của Phật là muốn chúng sinh một lòng chuyên niệm Phật A Di Đà.

Lời bàn: Đoạn văn trong Quán Kinh Sớ có hai phần: (a) công hạnh định thiện và tán thiện, (b) công hạnh Niệm Phật. Trong phần định thiện tán thiện lại chia làm hai phần: (i) định thiện, (ii) tán thiện.

i/ Định thiện: có mười ba phần: (1) quán mặt trời, (2) quán nước, (3) quán đất, (4) quán cây báu, (5) quán ao báu, (6) quán đèn đài báu, (7) quán tòa sen, (8) quán tượng, (9) quán thân Phật A Di Đà, (10) quán thân Đức Quán Thế Âm, (11) quán thân Đức Đại Thế Chí, (12) quán vãng sinh tổng quát, (13) quán tạp tượng. Những pháp quán này, Quán Kinh đều có nói đầy đủ. Dù không tu các công hạnh nào khác, mười ba pháp quán này, tùy theo sức mình, tu một hoặc tu nhiều pháp quán, đều được vãng sinh. Ý chỉ này trong Quán Kinh đã nói rõ, không nên nghi ngờ lưỡng lự.

ii/ Tán thiện: có hai phần: (1) ba phước, (2) chín phâm.

1/ Ba phước. Quán Vô Lượng Thọ Kinh nói: “*Một là hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm không giết hại, tu mười nghiệp*

lành; hai là thọ trì Tam quy, đầy đủ giới hạnh, không phạm uy nghi; ba là phát Bồ đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng kinh điển Đại thừa, khuyến tấn hành giả.” 3

Hiếu dưỡng cha mẹ, có hai trường hợp, một là hiếu dưỡng thế gian, hai là hiếu dưỡng xuất thế gian. Hiếu dưỡng thế gian, như trong Hiếu Kinh, v.v.. đã nói; hiếu dưỡng xuất thế gian, như trong luật tạng đã nói.

Phụng sự sư trưởng, cũng có hai trường hợp: một là sư trưởng thế gian, hai là sư trưởng xuất thế gian. Sư trưởng thế gian là những bậc thầy dạy dỗ về nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, v.v., sư trưởng xuất thế gian là những bậc thầy dạy dỗ về hai môn Thánh Đạo và Tịnh Độ. Dù không tu tập những công hạnh khác, có thể dùng sự tu tập hiếu dưỡng, phụng sự sư trưởng làm nghiệp vãng sinh.

Từ tâm không giết hại, tu mười nghiệp lành: ở đây có hai nghĩa: (1) “Từ tâm không giết hại”, tức là tâm từ vô lượng trong tứ vô lượng tâm. Đây là nêu riêng một tâm để nói chung bốn tâm. Dù không tu tập những công hạnh khác, có thể dùng sự tu tập tứ vô lượng tâm làm nghiệp vãng sinh. (2) “Tu mười nghiệp lành”, tức là (i) không sát hại, (ii) không trộm cắp, (iii) không tà dâm, (iv) không nói dối, (v) không nói lời vô nghĩa, (vi) không nói lời ác, (vii) không nói lời đâm thọc, (viii) không tham lam, (ix) không sân hận, (x) không tà kiến. Ở đây, hợp hai câu “từ tâm không giết hại” và “tu mười nghiệp lành” làm một câu, điều này có nghĩa “từ tâm không giết hại” không phải là tâm từ trong tứ vô lượng tâm, mà chỉ là điều thiện “không giết hại” trong pháp thập thiện. Dù không tu các công hạnh khác, có thể dùng sự tu mười nghiệp lành làm nghiệp vãng sinh.

Thọ trì Tam Quy y: tức là quy y Phật, Pháp, Tăng. Ở đây cũng có hai phần: Tam quy y Đại thừa và Tam quy y Tiểu thừa.

Đầy đủ giới luật: đây cũng có hai phần: giới luật Đại thừa và giới luật Tiểu thừa.

Không phạm uy nghi: đây cũng có hai phần: (a) Đại thừa có tám vạn uy nghi, (b) Tiểu thừa có ba ngàn uy nghi.

Phát Bồ đề tâm: ở đây, chủ trương của các nhà chú giải không giống nhau, chẳng hạn như Thiên Thai Tông chủ trương có bốn loại Bồ đề tâm của bốn giáo, tức là tạng giáo, thông giáo, biệt giáo và viên giáo. Điều này được nói rõ trong quyển Ma Ha Chỉ Quán. Chân Ngôn Tông thì chủ trương có ba loại Bồ đề tâm, tức là hạnh nguyện, thắng nghĩa và tam ma địa. Điều này được nói đầy đủ trong quyển Bồ Đề Tâm Luận. Hoa Nghiêm Tông cũng nói đến Bồ đề tâm, như trong phần giải thích ý nghĩa Bồ đề tâm của tông phái họ, hoặc trong quyển Du Tâm An Lạc Đạo của ngài Nguyên Hiếu, v.v... Những tông khác như Tam Luận, Pháp Tướng cũng đều đề cập đến Bồ đề tâm, như trong các chú sớ của tông phái họ có nói rõ. Hơn nữa, ngài Thiện Đạo trong Quán Kinh Sớ cũng có giải thích. Phát Bồ đề tâm, tên tuy giống nhau, tùy sự giải thích của các tông phái mà có ý nghĩa không đồng. Thế nhưng, câu “phát Bồ đề tâm” có thể thấy khắp trong các kinh luận Hiền thừa và Mật thừa, ý khí bao la, nghĩa lý thâm thúy. Nguyện các vị hành giả, không nên chấp trước vào một khía cạnh mà bài xích tất cả. Thỉnh cầu các vị tu hạnh vãng sinh, hãy phát Bồ đề tâm theo tông phái của mình. Dù không tu tập các công hạnh khác, có thể dùng sự phát Bồ đề tâm làm nghiệp vãng sinh.

Tin sâu nhân quả: đây cũng có hai phần: một là nhân quả thế gian, hai là nhân quả xuất thế gian. Nhân quả thế gian, tức là nhân quả của sáu nẻo, như Chánh Pháp Niệm Xứ Kinh có nói. Nhân quả xuất thế gian, tức là nhân quả của bốn quả Thánh, như các kinh Đại, Tiểu thừa có nói.

Về việc dùng hai pháp nhân quả này để thâm nhiếp các kinh điển, lập trường của các tông phái cũng không hoàn toàn tương đồng. Thiên Thai Tông cho rằng kinh Hoa Nghiêm nói về hai loại nhân quả của Phật và Bồ tát, kinh A Hàm nói về nhân quả của Nhị thừa (Thanh văn, Duyên giác), các kinh Phương Đẳng nói về nhân quả của bốn Thừa (Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát và Phật), các kinh Bát Nhã nói về nhân quả của ba giáo (thông giáo, biệt giáo, viên giáo), kinh Pháp Hoa nói về nhân quả của Phật, kinh Niết Bàn lại nói về nhân quả của bốn Thừa. Như vậy, câu “tin sâu nhân quả” phổ biến, bao trùm tất cả giáo pháp của Đức Phật! Các hành giả nguyện cầu vãng sinh, dù không tu tập một công hạnh nào khác, có

thể dùng sự tin sâu nhân quả làm nghiệp vãng sinh.

Đọc tụng kinh điển Đại thừa: đây cũng chia làm hai phần: một là đọc tụng, hai là Đại thừa.

a/ Đọc tụng, tức là trong năm loại pháp sư 4, liệt kê hai loại pháp sư: đọc kinh và phúng tụng, để hiển lộ ba loại pháp sư: thọ trì, v.v.. Nếu nói về mười loại pháp hành⁵, thì ở đây liệt kê hai loại pháp hành: chuyển đọc và phúng tụng, để hiển lộ tám loại pháp hành: biên chép, cúng dường, v.v..

b/ Đại thừa: là để phân biệt với Tiểu thừa. Ở đây không chỉ riêng một bộ kinh nào mà chỉ chung cho tất cả các kinh Đại thừa. Bản ý Đức Phật là chỉ chung cho tất cả các kinh điển Đại thừa mà Ngài đã giảng nói, thế nhưng trong các kinh điển này, có những kinh điển đã được kết tập và cũng có những kinh điển chưa được kết tập. Trong các kinh điển đã được kết tập, hoặc có những kinh điển còn ẩn tàng ở Long cung chưa được lưu bố tại nhân gian, hoặc có những kinh điển còn lưu tại Ấn Độ chưa được truyền đến Trung Quốc. Hiện nay, chúng ta chỉ bàn đến các kinh điển đã được phiên dịch. Trong bộ Trình Nguyên Nhập Tạng Lục, bắt đầu từ bộ Đại Bát Nhã Kinh sáu trăm quyển, cho đến phần cuối là các bộ Pháp Thường Trụ Kinh, Hiền Mật Đại Thừa Kinh, tổng cộng sáu trăm ba mươi bảy bộ (hai ngàn tám trăm tám mươi ba quyển), tất cả đều được bao hàm trong câu “đọc tụng kinh điển Đại thừa”. Xin nguyện các hành giả Tịnh Độ, mỗi người tùy theo ý thích của mình, hoặc đọc tụng Pháp Hoa làm nghiệp vãng sinh, hoặc đọc tụng Hoa Nghiêm làm nghiệp vãng sinh, hoặc đọc tụng Giá Na Giáo Vương Kinh, cùng dùng các giáo pháp khác làm nghiệp vãng sinh, hoặc là dùng sự thuyết giảng, biên chép các kinh Bát Nhã, Phương Đẳng, nhân đến kinh Niết Bàn làm nghiệp vãng sinh. Đây là bản ý của kinh Quán Vô Lượng Thọ.

Hỏi: Ý chỉ của Hiền thừa và Mật thừa khác nhau, làm sao Hiền giáo lại bao hàm Mật giáo?

Đáp: Đây không có nghĩa là Hiền giáo bao hàm Mật giáo, mà muốn nói rằng cả hai loại kinh điển Hiền, Mật đều được ghi chép trong Trình Nguyên Nhập Tạng Lục, đều được thu vào trong tạng

kinh Đại thừa, cho nên được bao hàm trong câu “đọc tụng kinh điển Đại thừa”.

Hỏi: Nếu vậy, các kinh trước Quán Kinh làm sao có thể bao hàm kinh Pháp Hoa?

Đáp: Ở đây, nói “bao hàm”, không bàn luận đến các ý nghĩa quyền, thực, thiên, viên, v.v.. Câu đọc tụng Đại thừa là chỉ chung cho các kinh điển Đại thừa trước và sau. “Trước”, nghĩa là các kinh điển Đại thừa có trước Quán Kinh, “sau”, nghĩa là các kinh điển Đại thừa có sau Quán Kinh. Ở đây chỉ nói Đại thừa mà không chọn lựa quyền, thực, cho nên bao hàm tất cả các kinh điển Đại thừa, như Hoa Nghiêm, Phương Đẳng, Bát Nhã, Pháp Hoa, Niết Bàn, v.v..

Khuyến tấn hành giả: nghĩa là khuyến tấn các công hạnh: định thiện, tán thiện và Niệm Phật Tam Muội, v.v..

2/ Chín phẩm: khai triển ba phước của phần trên thành nghiệp của chín phẩm:

a/ Thượng phẩm thượng sinh: “từ tâm không giết hại”, tức là câu thứ ba trong phần “phước thế gian” ở trên; kế đến, “đầy đủ giới hạnh”, tức là câu thứ hai “đầy đủ giới hạnh” trong phần phước trì giới ở trên; kế đến, “đọc tụng Đại thừa”, tức là câu thứ ba “đọc tụng Đại thừa” trong phần “phước hành trì” ở trên; kế đến “tu hành lục niệm”, tức là ý nghĩa của phần thứ ba trong phần “Ba phước” ở trên. 6

b/ Thượng phẩm trung sinh: “khéo giải nghĩa thú, v.v..”, tức là ý nghĩa thứ hai (tin sâu hơn quả) và thứ ba (đọc tụng kinh điển Đại thừa) trong phước thứ ba (phước hành trì) ở trên.

c/ Thượng phẩm hạ sinh: “tin sâu nhân quả, phát đạo tâm, v.v..”, tức là ý nghĩa thứ nhất (phát Bồ đề tâm) và thứ hai (tin sâu hơn quả) trong phước thứ ba ở trên.

d/ Trung phẩm thượng sinh: “thọ trì ngũ giới, v.v..”, tức là ý nghĩa của câu thứ hai (đầy đủ giới hạnh) trong phước thứ hai (phước trì giới) ở trên.

e/ Trung phẩm trung sinh: “hoặc một ngày một đêm, trì bát quan trai giới, v.v..”, ý nghĩa giống như phước thứ hai (phước trì giới) ở trên.

f/ Trung phẩm hạ sinh: “hiếu dưỡng cha mẹ, tu hạnh nhân từ thế gian, v.v..”, tức là ý nghĩa của câu thứ nhất (hiếu dưỡng cha mẹ) và thứ hai (từ tâm không giết hại) trong phước thứ nhất (phước thế gian) ở trên.

g/ Hạ phẩm thượng sinh: đây là người tội làm mười điều ác, lúc lâm chung nhờ một niệm mà được vãng sinh.

h/ Hạ phẩm trung sinh: đây là người phạm tội phá giới, lúc lâm chung nghe công đức của y báo và chánh báo của cõi Phật mà được vãng sinh.

i/ Hạ phẩm hạ sinh: đây là người phạm tội ngũ nghịch, lúc lâm chung nhờ mười niệm mà được vãng sinh. Ba hạng người này, lúc bình thời, chỉ biết tạo nghiệp ác, tuy không cầu sinh, nhưng lúc lâm chung gặp thiện tri thức, liền được vãng sinh. Nếu căn cứ ba phước trên, phước thứ ba có ý nghĩa Đại thừa.

Định thiện, tán thiện, đại khái như đoạn văn trên, tức là câu “Từ trước đến nay, tuy nói sự lợi ích của hai môn định thiện và tán thiện”.

Kê đến, “Niệm Phật”, tức là “chuyên xưng danh hiệu Phật A Di Đà”, ý nghĩa Niệm Phật ở đây, là theo ý nghĩa thông thường. Thế nhưng, hiện nay nói “chánh thức nêu rõ sự phó chúc danh hiệu Phật A Di Đà, lưu truyền lâu xa về sau”, nghĩa là trong kinh này, tuy nói rộng về các hạnh định thiện tán thiện, nhưng không phó chúc ngài A Nan lưu truyền các công hạnh đó, mà chỉ phó chúc ngài A Nan lưu truyền Niệm Phật Tam Muội đến đời lâu xa về sau.

Hỏi: Tại sao không phó chúc lưu truyền các hạnh định thiện, tán thiện? Nếu y vào sự tạo nghiệp dày mỏng, thì trong ba phước, có dày có mỏng, nghiệp mỏng tức là hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, còn nghiệp dày tức là đầy đủ giới hạnh, phát Bồ đề tâm, tin

sâu nhân quả, đọc tụng Đại thừa. Phải nên xả bỏ nghiệp mỏng mà phó chúc nghiệp dày. Nếu y vào pháp quán sâu cạn, thì trong mười ba pháp quán có sâu có cạn, pháp quán cạn tức là quán mặt trời và quán nước, còn pháp quán sâu tức là từ pháp quán đất, cho đến pháp quán tạp tướng, tổng cộng có mười một pháp. Phải nên xả bỏ pháp quán cạn mà phó chúc pháp quán sâu. Trong đây, pháp quán thứ chín, quán thân Đức A Di Đà tức là Quán Phật Tam Muội, cần phải xả bỏ mười hai pháp quán kia, mà phó chúc Quán Phật Tam Muội. Lại nữa, điều này giống như trong phần Huyền Nghĩa của Quán Kinh Sớ nói: “Kinh này, Quán Phật Tam Muội làm tông, đồng thời, Niệm Phật Tam Muội làm tông”. Nếu đã dùng hai hạnh làm tông cho một bộ kinh, tại sao lại phế bỏ Quán Phật Tam Muội mà phó chúc Niệm Phật Tam Muội?

Đáp: Đã nói “xét bốn nguyện của Phật, ý muốn chúng sinh, một lòng chuyên xưng danh hiệu Phật A Di Đà”, các công hạnh định thiện tán thiện không phải bốn nguyện cho nên không phó chúc. Quán Phật Tam Muội, tuy là công hạnh thù thắng, nhưng vẫn không phải là bốn nguyện của Phật, cho nên không phó chúc, còn Niệm Phật Tam Muội là bốn nguyện của Phật, cho nên phó chúc. Nói “xét bốn nguyện của Phật”, là chỉ cho nguyện thứ mười tám trong bốn mươi tám nguyện trong Vô Lượng Thọ Kinh, còn nói “một lòng chuyên xưng danh hiệu”, là chỉ cho câu “một lòng chuyên niệm” trong phần ba hạng người vãng sinh của kinh Vô Lượng Thọ. Ý nghĩa của bốn nguyện, phần trên đã nói rõ.

Hỏi: Nếu vậy, tại sao không nói trực tiếp công hạnh bốn nguyện (Niệm Phật), mà lại nói vòng vo các công hạnh không phải bốn nguyện (như định thiện, tán thiện, v.v...)?

Đáp: Vô Lượng Thọ Kinh đã nói rõ về công hạnh bốn nguyện Niệm Phật, ở đây không cần lập lại. Và lại, nói về định thiện, tán thiện, là muốn nêu rõ công hạnh Niệm Phật vượt hơn các công hạnh khác. Nếu như không nói về định thiện, tán thiện, thì làm sao nêu rõ Niệm Phật là đặc biệt ưu việt. Chẳng hạn như trong kinh Pháp Hoa, ngài Xá Lợi Phất ba lần khai thính, nếu không có ba lần khai thính này, làm sao hiển bày kinh Pháp Hoa là đệ nhất. Bởi thế, hiện nay nêu ra các công hạnh định thiện, tán thiện, là để phế bỏ chúng, còn nêu ra Niệm Phật Tam Muội là để xác lập công

hạnh này. Thế nhưng, các công hạnh định thiện, tán thiện, khó mà trắc lượng, chẳng hạn các công hạnh định thiện, như các pháp quán y báo, chánh báo, nếu như thành tựu, thế nguyện vãng sinh dễ dàng như trở bàn tay. Hoặc là do uy lực của một pháp quán mà có thể tiêu trừ tội khiên nhiều kiếp, hoặc là do công đức của sự nhớ tưởng đến Phật mà chúng được Quán Phật Tam Muội. Như vậy, người tu Tịnh Độ, phải nên tu hành định quán, mà ở đây pháp quán thứ chín, quán chân thân của Phật, chính là pháp tu Quán Phật Tam Muội. Nếu công hạnh này thành tựu, hành giả sẽ thấy được chân thân của Đức A Di Đà. Thấy được Đức A Di Đà, thì sẽ thấy được chư Phật, và được chư Phật hiện tiền thọ ký, đây là sự lợi ích thâm sâu nhất của sự tu quán. Thế nhưng hiện nay đến phần lưu thông của Quán Kinh, khi Đức Phật phó chúc ngài A Nan pháp tu trọng yếu để vãng sinh, Ngài không đem pháp Quán Phật, mà lại đem pháp Niệm Phật phó chúc. Ngay cả pháp Quán Phật Tam Muội còn không được phó chúc, huống là các pháp quán mặt trời, quán nước, v.v..! Như vậy, cả mười pháp định quán đều không được phó chúc. Nếu như có người ưa tu pháp Quán Phật, mà không tu Niệm Phật, đây không những đi ngược bốn nguyện của Đức Phật A Di Đà, mà còn đi ngược với lời dặn dò của Đức Phật Thích Ca. Hành giả hãy nên tự thâm xét.

Kê đền, trong phần tán thiện, có công hạnh “trì giới” Đại thừa, Tiểu thừa. Người đời đều cho rằng người trì giới là người nắm chìa khóa cho sự vãng sinh, còn kẻ phá giới thì không được vãng sinh.

Lại có công hạnh “phát Bồ đề tâm”. Mọi người đều cho rằng Bồ đề tâm là cương yếu của Tịnh Độ, nếu không có Bồ đề tâm thì không thể vãng sinh.

Lại có công hạnh “giải đê nhất nghĩa”. Đây là lý quán. Mọi người đều cho rằng lý là căn nguyên của quả Phật, không thể bỏ “lý” mà mong cầu cõi Tịnh Độ, nếu không có lý quán thì không thể vãng sinh.

Lại có công hạnh “đọc tụng Đại thừa”. Mọi người đều cho rằng đọc tụng kinh điển Đại thừa ắt sẽ được vãng sinh, nếu không đọc tụng thì không được vãng sinh. Ở đây có hai trường hợp: (1) trì kinh, (2) trì chú. Trì kinh tức là thọ trì các kinh điển Đại thừa, như

Bát Nhã, Pháp Hoa, v.v., còn trì chú tức là thọ trì các thần chú như Tùy Cầu, Tôn Thắng, Quang Minh, A Di Đà, v.v..

Tuy mọi người đều ưa thích mười một loại công hạnh tán thiện, thế nhưng họ đều đặc biệt ưa thích hành trì bốn loại công hạnh vừa đề cập phía trên, và thường đem bốn loại công hạnh đó để chèn ép công hạnh Niệm Phật. Kính thỉnh hành giả thâm xét, sẽ thấy bốn ý kinh này không phải là phó chúc các công hạnh khác, mà chỉ phó chúc công hạnh Niệm Phật lưu truyền đời sau. Chúng ta phải nên hiểu như vậy. Đức Thế Tôn sở dĩ không phó chúc các công hạnh khác, bởi vì chúng không phải là bốn nguyện của Đức A Di Đà, và Ngài sở dĩ phó chúc công hạnh Niệm Phật, vì đây là bốn nguyện của Đức A Di Đà. Hiện nay, Thiện Đạo Hòa Thượng bỏ các công hạnh khác mà quay về Niệm Phật, bởi vì đây không những là công hạnh bốn nguyện của Đức A Di Đà, mà còn là công hạnh mà Đức Thích Ca phó chúc. Nên biết, các công hạnh khác không thích ứng căn cơ, thời tiết, còn công hạnh Niệm Phật vãng sinh thì lại thích ứng căn cơ, thời tiết. Sự cảm ứng giữa Phật và chúng sinh lẽ nào lại để cho luống uổng!

Nên biết, lúc đầu Đức Phật tùy thuận căn cơ chúng sinh, tuy tạm thời mở ra những pháp môn định thiện tán thiện, thế nhưng, sau đó Ngài lại tùy thuận bốn hoài của mình, bèn đóng những pháp môn đó lại. Chỉ có một pháp môn duy nhất được mở ra mà không bao giờ bị đóng lại, đó là pháp môn Niệm Phật. Bốn nguyện của Đức A Di Đà, sự phó chúc của Đức Thích Ca, bốn ý là tại chỗ này. Hành giả phải nên biết như vậy!

Lại nữa, câu “đời lâu xa về sau”, căn cứ bốn ý kinh Vô Lượng Thọ, là muốn chỉ thời kỳ một trăm năm sau thời mạt pháp, đây là nêu cái xa để bao quát cái gần. Như vậy, sau thời mạt pháp còn được phó chúc, huống là thời mạt pháp! Thời mạt pháp còn vậy, huống là thời chánh pháp và tượng pháp. Nên biết, pháp Niệm Phật vãng sinh là chung cho cả ba thời (chánh, tượng và mạt pháp) và cả thời kỳ một trăm năm sau khi kinh đạo diệt tận!

Chương Mười Ba **Nhiều Thiện Căn**

Niệm Phật là nhiều thiện căn, các tạp thiện khác là ít thiện căn.

A Di Đà Kinh nói: “Không thể do chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được vãng sinh Cực Lạc. Xá Lợi Phất! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, nghe đến Đức Phật A Di Đà, bèn chấp trì danh hiệu, hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, một lòng không loạn, người đó đến lúc mạng chung, Phật A Di Đà, cùng các thánh chúng hiện đến trước mặt. Người đó lúc mất, tâm không điên đảo, liền được vãng sinh cõi nước Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà”.

Ngài Thiện Đạo giải thích đoạn văn này như sau:

*Cực Lạc vô vi cõi Niết Bàn
Tùy duyên, tạp thiện khó vãng sanh
Nên Đức Như Lai lựa pháp yếu
Khuyên niệm Di Đà, chuyên thật chuyên
Bảy ngày bảy đêm không gián đoạn
Khởi hạnh lâu dài lại gắng thêm
Lâm chung, thánh chúng cầm hoa đến
Thân tâm phấn khởi, sinh sen vàng
Ngôi lên chứng đắc vô sinh nhẫn
Liền được đưa đến trước Pháp Vương
Bỏ tất tranh nhau đấp y pháp
Chứng ngôi bất thoái, nhập Tam Hiền.*

Lời bàn: Không thể do chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được vãng sinh Cực Lạc, nghĩa là các hành giả tu tạp thiện, khó được vãng sinh, cho nên mới nói “tùy duyên, tạp thiện khó vãng sinh”. Ít thiện căn, nghĩa là đối với nhiều thiện căn mà nói. Như vậy, các tạp thiện là ít thiện căn, còn Niệm Phật là nhiều thiện căn, cho nên Long Thư Tịnh Độ Văn có nói: “*Bản đá khắc kinh A Di Đà ở Tương Dương, do ông Dương Nhân Lăng ở đời Tùy viết, nét chữ thanh thoát, uyển chuyển, được nhiều người hâm mộ, phía dưới câu một lòng không loạn có câu Chuyên trì danh hiệu, do xưng danh hiệu, tội chướng tiêu diệt, tức là nhiều thiện căn, phước đức, nhân duyên. Hiện nay các bản kinh được lưu hành thiếu mất hai mươi một chữ này.*”

Không những có nghĩa nhiều, ít, mà còn có nghĩa lớn, nhỏ, nghĩa là các tạp thiện là thiện căn nhỏ, còn Niệm Phật là thiện căn lớn. Lại còn có nghĩa thắng, liệt, nghĩa là các tạp thiện là thiện căn liệt (kém cỏi), còn Niệm Phật là thiện căn thắng (thù thắng). Phải nên biết như thế!

Chương Mười Bốn

Chư Phật Chứng Thành

Hàng sa chư Phật ở sáu phương, không chứng thành các công hạnh khác, mà chỉ chứng thành công hạnh Niệm Phật.

Quán Niệm Pháp Môn của ngài Thiện Đạo nói: Lại như A Di Đà Kinh có nói: “Ở sáu phương, mỗi phương có hàng hà sa chư Phật, đều hiện tướng lưỡi rộng dài, biến khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thực như vậy: “Dù Phật còn tại thế, hoặc sau khi Phật diệt độ, tất cả phàm phu tội chướng, chỉ cần hồi tâm niệm Phật A Di Đà, nguyện sinh Tịnh Độ, hoặc trọn một đời, hoặc chỉ trong bảy ngày, một ngày, mười tiếng, ba tiếng, một tiếng, v.v., đều được vãng sinh”. Như vậy, sáu phương chư Phật hiện tướng lưỡi rộng dài, nhất định chứng minh rằng phàm phu niệm Phật, tội diệt được vãng sinh. Nếu như không y vào điều này mà chứng minh sự vãng sinh, thì sáu phương chư Phật, sau khi hiện tướng lưỡi rộng dài, rốt ráo sẽ không thu lưỡi lại được, mà lưỡi tự nhiên sẽ bị rữa nát.”

*Vãng Sinh Lễ Tán của Ngài cũng dẫn A Di Đà Kinh nói: Hàng sa chư Phật ở phương đông, các phương nam, tây, bắc, cùng phương trên dưới, mỗi phương cũng đều có hàng sa chư Phật, mỗi vị đều ở cõi nước của mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, biến khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thực như sau: **Tất cả chúng sinh, phải nên tin tưởng kinh Tất Cả Chư Phật Hộ Niệm này.** Vì sao gọi là Hộ Niệm? Nếu có chúng sinh xưng niệm Phật A Di Đà, hoặc bảy ngày, một ngày, nhẫn đến mười tiếng, một tiếng, hoặc một niệm, v.v., ắt được vãng sanh, chư Phật chứng thành sự việc này, nên gọi là Hộ Niệm Kinh.*

Lại nói:

*Sáu phương Phật, tướng lười chứng minh
Chuyên xưng danh hiệu, sinh Tây Phương
Đến đó, hoa nở, nghe diệu pháp
Thập địa hạnh nguyện, tự nhiên thành.*

*Lại nữa, Quán Kinh Sớ của Ngài cũng dẫn A Di Đà Kinh nói:
Thập phương chư Phật, v.v., e rằng chúng sinh không tin lời dạy
của Phật Thích Ca, các Ngài bèn đồng tâm, đồng thời, mỗi vị hiện
tướng lười, biến khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành
thực như sau: Nay các chúng sinh, phải nên tin nhận lời dạy đó,
khen ngợi, chứng minh của Đức Phật Thích Ca: **Tất cả phàm phu,
bất luận tội phước nhiều ít, thời cơ gần xa, chỉ cần, hoặc trọn
một đời, hoặc chỉ một ngày, bảy ngày, một lòng chuyên niệm
danh hiệu Phật A Di Đà, nhất định sẽ được vãng sinh, chắc
chắn không nghi.***

Pháp Sư Tán của Ngài cũng nói:

*Tâm tâm niệm Phật, chớ sinh nghi
Sáu phương Phật chứng, thực không hư
Ba nghiệp chuyên tâm, không tạp loạn
Bách bảo liên hoa sẽ hiện tiên.*

Tịnh Độ Ngũ Hội Pháp Sư Tán của ngài Pháp Chiếu cũng nói:

*Điều cấp yếu trong muôn công hạnh
Không gì nhanh hơn Tịnh Độ Môn
Không những Bốn Sư kim khẩu nói
Mười phương chư Phật cũng chứng thành.*

Hỏi: Tại sao sáu phương chư Phật chứng thành, chỉ hạn định một công hạnh Niệm Phật?

Đáp: Theo ý của Hòa thượng Thiện Đạo, Niệm Phật là bốn nguyện của Đức A Di Đà, cho nên chứng thành, các công hạnh khác không phải, cho nên không chứng thành.

Hỏi: Nếu căn cứ bốn nguyện để chứng thành Niệm Phật, Vô Lượng Thọ Kinh và Quán Kinh, lúc nói về Niệm Phật, tại sao lại không có chư Phật chứng thành?

Đáp: Giải thích có hai nghĩa: (Một) Vô Lượng Thọ Kinh và Quán Kinh, tuy nói đến bốn nguyện Niệm Phật, nhưng cũng nói đến các hạnh khác, cho nên không chứng thành, còn quyển A Di Đà Kinh này, chỉ nói về Niệm Phật, cho nên chứng thành. (Hai) Trong hai quyển kinh kia, tuy không có lời chứng thành, nhưng trong quyển kinh này đã có sự chứng thành, dùng đây mà suy ngẫm, trong hai quyển kinh kia, lúc nói về Niệm Phật, ắt cũng có ý nghĩa chứng thành. Lời văn ở kinh này, ý nghĩa chung cho hai kinh kia, bởi thế, Thập Nghi Luận của ngài Thiên Thai có nói: “A Di Đà Kinh, Đại Vô Lượng Thọ Kinh, Cổ Âm Thanh Đà La Ni Kinh, v.v., nói: Lúc Đức Thích Ca Phật nói kinh này, trong mười phương, mỗi phương có hằng hà sa chư Phật, hiện tướng lưỡi biển khắp tam thiên đại thiên thế giới, chứng thành tất cả chúng sinh niệm A Di Đà Phật, nương vào bốn nguyện đại bi nguyện lực, quyết định vãng sinh thế giới Cực Lạc.”

Chương Mười Lăm

Hộ Niệm

Sáu phương chư Phật hộ niệm hành giả Niệm Phật.

Quán Niệm Pháp Môn nói: A Di Đà Kinh dạy: Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, bảy ngày bảy đêm, nhẫn đến trọn đời, một lòng chuyên niệm Phật A Di Đà, nguyện được vãng sinh, người đó thường được hằng hà sa chư Phật ở sáu phương hộ niệm, cho nên gọi là Hộ Niệm Kinh. Ý nghĩa của Hộ Niệm Kinh là khiến cho các quỷ thần ác không có cơ hội xâm hại hành giả; người đó không gặp hoạnh bệnh, hoạnh tử, hoạnh nạn, tất cả tai chướng, tự nhiên tiêu diệt, trừ những người không có tâm chí thành.

Vãng Sinh Sự Tán nói: Nếu xưng danh hiệu Phật cầu vãng sinh, thì thường được hằng hà sa chư Phật ở sáu phương hộ niệm, nên gọi là Hộ Niệm Kinh. Hiện nay đã có lời thệ nguyện tăng thượng để nương tựa, như vậy, tại sao các vị Phật tử còn chưa chịu nỗ lực phân ý niệm Phật cầu vãng sinh?

Hỏi: Chỉ có sáu phương Phật hộ niệm hành giả hay sao?

Đáp: Không chỉ hạn cục sáu phương chư Phật, mà các ngài A Di Đà, Quán Âm, v.v., cũng đều hộ niệm, cho nên Vãng Sinh Lễ Tán dẫn Thập Vãng Sinh Kinh nói: *Nếu có chúng sinh niệm Phật A Di Đà, cầu nguyện vãng sinh, Phật A Di Đà tức thời phái hai mươi lăm vị Bồ tát đến ủng hộ, trong tất cả mọi thời, hoặc đi, đứng, nằm, ngồi, hoặc ngày hoặc đêm, không để cho các quỷ thần ác có cơ hội xâm hại hành giả!*

Quán Kinh nói: Nếu có người xưng tán, lễ bái, nhớ tưởng Phật A Di Đà, nguyện sinh Cực Lạc, Phật A Di Đà sẽ phái vô số Hóa Phật, Hóa Quán Thế Âm Bồ tát, Hóa Đại Thế Chí Bồ tát hộ niệm hành giả, lại cùng hai mươi lăm vị Bồ tát, vây quanh hành giả trăm ngàn vòng, bất luận đi đứng nằm ngồi, tất cả thời xứ, hoặc ngày hoặc đêm, thường không xa lìa hành giả Niệm Phật. Hiện nay có những lợi ích thù thắng như thế có thể nương tựa, nguyện các hành giả, mỗi người nên chí tâm cầu vãng sinh.

Quán Niệm Pháp Môn nói: Phần cuối của Quán Kinh dạy: “Nếu có người thường chí tâm niệm Phật A Di Đà và hai vị Bồ tát, các ngài Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, hóa hiện làm bạn lành, hoặc làm thiện tri thức của người đó, thường theo ủng hộ, như bóng theo hình.”

Phẩm Hành trong Bát Chu Tam Muội Kinh có nói: “Nếu có người thường tu pháp Niệm Phật tam muội này, sẽ thường được chư thiên, cùng Tứ thiên vương, tám bộ long thiên theo bên ủng hộ, ưa muốn gần gũi, vĩnh viễn không còn các quỷ thần ác, hoặc tai chướng ách nạn đến làm não loạn. Trong phẩm Hộ Trì sẽ nói chi tiết.”

Ngoài lúc vào đạo trường tu tam muội ra, mỗi ngày nên niệm một vạn câu A Di Đà Phật, suốt đời không gián đoạn, sẽ được sự hộ niệm của Đức A Di Đà, tội chướng tiêu trừ. Lại được Phật và chư thánh chúng, thường đến hộ niệm, tức thời sẽ được tăng trưởng thọ mệnh.

Chương Mười Sáu

Ân Cần Phó Chúc

Thích Ca Như Lai đem danh hiệu Phật A Di Đà ân cần phó chúc các ngài Xá Lợi Phất, v.v..

A Di Đà Phật Kinh nói: Phật nói kinh này xong, ngài Xá Lợi Phất cùng các vị tỳ kheo, tất cả trời, người, a tu la, v.v., nghe lời Phật dạy, vui mừng tin nhận, đánh lễ mà lui ra.

Pháp Sư Tán của ngài Thiện Đạo giải thích đoạn kinh này như sau:

*Lúc Thế Tôn nói pháp sắp xong
Ân cần phó chúc Di Đà danh
Trong thời năm trước, nhiều nghi, báng
Tăng, tục kỳ hiểm, không chịu nghe
Thấy người tu hành, khởi sân độc
Tìm cách phá hoại, sinh thù hận
Bọn nhất xiển đề đui mù này
Hủy diệt đốn giáo, vĩnh trầm luân
Quá số kiếp như số vi trần
Cũng chưa ra khỏi ba đường ác
Đại chúng đều đồng tâm sám hối
Tất cả tội phá pháp nhân duyên.*

Lời bàn: Theo bốn ý của ba kinh, trong các công hạnh, tuyển chọn pháp Niệm Phật làm chỗ quay về (Hán: chỉ quy).

Trước tiên, trong Vô Lượng Thọ Kinh có ba sự tuyển chọn: (1) tuyển chọn bốn nguyện, (2) tuyển chọn tán thán, (3) tuyển chọn lưu lại giáo pháp.

1/ **Tuyển chọn bốn nguyện:** Niệm Phật là công hạnh vãng sinh do ngài tỳ kheo Pháp Tạng tuyển chọn từ hai trăm mười ức cõi Phật, ý chỉ vi tế đã trình bày ở trên, nên gọi là tuyển chọn bốn nguyện.

2/ **Tuyển chọn tán thán:** Trong ba bậc thượng phẩm vãng sinh, tuy nêu ra các công hạnh khác như phát Bồ đề tâm, v.v., thế nhưng Đức Thích Ca không tán thán các công hạnh đó, mà chỉ tán

thán Niệm Phật như sau: “Nên biết một niệm niệm Phật là công đức vô thượng”, nên gọi là tuyển chọn tán thán.

3/ **Tuyển chọn lưu lại giáo pháp:** Lại như phần trên, tuy nêu ra các công hạnh khác, Đức Bổn Sư chỉ lưu lại một pháp Niệm Phật, nên gọi là tuyển chọn lưu lại giáo pháp.

Kế đến, trong Quán Kinh cũng có ba sự tuyển chọn: (1) tuyển chọn nhiếp thủ, (2) tuyển chọn Hóa Phật tán thán, (3) tuyển chọn phó chúc.

1/ Tuyển chọn nhiếp thủ: Trong Quán Kinh, tuy nói rõ các công hạnh định thiện, tán thiện, thế nhưng, ánh sáng của Đức A Di Đà chỉ chiếu soi những chúng sinh Niệm Phật, nhiếp thủ không rời, nên gọi là tuyển chọn nhiếp thủ.

2/ Tuyển chọn Hóa Phật tán thán: Người hạ phẩm thượng sinh, tuy có hai công hạnh nghe kinh và Niệm Phật, Hóa Phật của Đức A Di Đà tuyển chọn Niệm Phật rằng: ***Vì ông xưng danh hiệu Phật, chớ tội tiêu diệt, ta đến rước ông***, nên gọi là tuyển chọn Hóa Phật tán thán.

3/ Tuyển chọn phó chúc: Lại nữa, tuy nói rõ các công hạnh định thiện, tán thiện, nhưng chỉ riêng phó chúc một công hạnh Niệm Phật, nên gọi là tuyển chọn phó chúc.

Kế đến, trong kinh A Di Đà có một sự tuyển chọn, đó là tuyển chọn chứng thành. Trong các kinh điển, tuy nói nhiều đến các công hạnh vãng sinh, nhưng sáu phương chư Phật không chứng thành các công hạnh này, đến kinh A Di Đà nói về Niệm Phật vãng sinh, thì hàng hà sa chư Phật ở sáu phương, mỗi vị đều hiện tướng lưỡi biển khắp tam thiên đại thiên thế giới để chứng thành, cho nên gọi là tuyển chọn chứng thành.

Hơn nữa, trong Bát Chu Tam Muội Kinh cũng có một tuyển chọn, gọi là tuyển chọn trì danh. Chính Đức Phật A Di Đà nói rằng: ***Muốn vãng sinh cõi nước ta, phải thường niệm danh hiệu ta, không được gián đoạn***, cho nên gọi là tuyển chọn trì danh.

Bốn điều:(1) bốn nguyện, (2) nhiếp thủ, (3) danh hiệu và (4) Hóa Phật tán thán, là sự tuyển chọn của Đức A Di Đà.

Ba điều: (5) tán thán, (6) lưu lại giáo pháp, và (7) phó chúc, là sự tuyển chọn của Đức Thích Ca.

Còn điều (8) chứng thành, là sự tuyển chọn của hằng sa chư Phật ở mười phương.

Như vậy, Đức Thích Ca, Đức A Di Đà và hằng sa chư Phật mười phương, đồng tâm tuyển chọn công hạnh Niệm Phật. Các công hạnh khác thì không được như vậy, cho nên ba bộ kinh Tịnh Độ đều tuyển chọn Niệm Phật làm tông chỉ.

Muốn mau thoát sinh tử
Trong hai loại thắng pháp
Nên bỏ Thánh Đạo Môn
Mà chọn Tịnh Độ Môn
Muốn vào Tịnh Độ Môn
Trong hai hạnh chánh, tạp
Nên bỏ các tạp hạnh
Mà tuyển chọn chánh hạnh
Nếu muốn tu chánh hạnh
Trong hai nghiệp chánh, phụ
Nên gạt bỏ nghiệp phụ
Mà chuyên tu chánh định
Nhưng nghiệp của chánh định
Tức là xưng danh Phật
Xưng danh ắt vãng sinh
Vì nương bốn nguyện Phật.

Hỏi: Các nhà chú giải trong các tông Hoa Nghiêm, Thiên Thai, Chân Ngôn, Thiền, Pháp Tướng, mỗi vị đều có biên soạn chương sớ về pháp môn Tịnh Độ, tại sao lại không y cứ vào các nhà chú giải đó mà chỉ riêng y cứ vào ngài Thiệu Đạo?

Đáp: Các nhà chú giải đó, tuy biên soạn chương sớ về Tịnh Độ, nhưng không dùng Tịnh Độ làm tông, mà lại dùng Thánh Đạo làm tông, cho nên không y cứ vào họ, còn ngài Thiệu Đạo chỉ lấy Tịnh Độ làm tông, cho nên y cứ vào ngài.

Hỏi: Các vị tổ sư Tịnh Độ rất nhiều, chẳng hạn như ngài Ca Tài ở chùa Hoàng Pháp, ngài Từ Mãn Tam Tạng, v.v.. Tại sao không y cứ vào các vị ấy, mà chỉ riêng y cứ vào ngài Thiện Đạo?

Đáp: Các vị thiện tri thức đó, tuy cũng đề xướng Tịnh Độ pháp môn, nhưng chưa chứng Tam muội, còn Hòa Thượng Thiện Đạo là người chứng đắc tam muội. Vì ngài có chỗ chứng đắc, cho nên y cứ vào ngài.

Hỏi: Nếu y cứ vào người chứng đắc Tam muội, thì Hoài Cảm Thiên Sư cũng chứng đắc Tam muội, tại sao không y cứ?

Đáp: Ngài Thiện Đạo là thầy, ngài Hoài Cảm là trò, cho nên y cứ vào thầy mà không y cứ vào đệ tử. Hướng chi sự giải thích của hai thầy trò có nhiều điểm trái nghịch, cho nên không y cứ vào ngài Hoài Cảm.

Hỏi: Nếu y cứ vào thầy, thì ngài Đạo Xước Thiên Sư là thầy của ngài Thiện Đạo, tại sao lại không y cứ vào ngài Đạo Xước?

Đáp: Ngài Đạo Xước tuy là thầy, nhưng vẫn chưa chứng được Tam muội, không tự biết mình có được vãng sinh hay không, cho nên đã hỏi ngài Thiện Đạo: “Đạo Xước niệm Phật, được vãng sinh hay không?” Ngài Thiện Đạo bèn thưa với ngài Đạo Xước nên đem một cành hoa sen đặt trước bàn Phật, sau đó dụng công bảy ngày, nếu hoa sen không héo, ắt được vãng sinh. Ngài Đạo Xước y lời, sau đó bảy ngày, quả nhiên hoa sen không héo, bèn rất khen ngợi. Kế đó thỉnh ngài Thiện Đạo nhập định quán sát, xem mình có được vãng sinh hay không. Ngài Thiện Đạo bèn nhập định, giây lát sau nói với ngài Đạo Xước: “Thầy phải sám hối ba tội mới được vãng sinh. Thứ nhất, thầy đặt tượng Phật ở góc phòng, còn mình ở giữa phòng; thứ hai, sai bảo người xuất gia phục dịch cho mình; thứ ba, xây dựng phòng ốc làm tổn thương sinh mệnh côn trùng. Thầy phải đối trước mười phương Phật sám hối tội thứ nhất, đối trước bốn phương tăng sám hối tội thứ hai, đối với tất cả chúng sinh sám hối tội thứ ba.” Ngài Đạo Xước suy ngẫm những lỗi làm quá khứ, thấy lời ngài Thiện Đạo quả thật không sai, bèn chí thành sám hối. Sám hối xong, đến gặp ngài Thiện Đạo, ngài Thiện Đạo

bèn nói: “Tội của thầy đã diệt, sau này sẽ có ánh sáng chiếu thân, đó là điềm vãng sinh của thầy.”

Do đây biết rằng Hòa Thượng Thiện Đạo tu đắc Tam muội, xứng đáng làm bậc thầy, giải hạnh đều phi phạm, điều này thật rõ ràng. Huống chi, người cùng thời với ngài đều xưng truyền rằng: “*Từ lúc Phật pháp truyền vào Trung Hoa đến nay, chưa ai có được thanh đức như ngài Thiện Đạo!*” Lời xưng tán tuyệt luân, khó diễn tả được. Hơn nữa, lúc ngài viết sớ giải của Quán Kinh, có nhiều điềm lành, thường được Đức A Di Đà đến chỉ dẫn. Vì đã được sự gia bị của chư Phật, Bồ tát, cho nên quyển Quán Kinh Sớ của ngài được xưng dương là **Chứng Định Sớ**, mọi người đều quý trọng như chính lời dạy của Đức Phật.

Như trong Quán Kinh Sớ quyển thứ tư có viết:

“Kính bạch tất cả thiện tri thức hữu duyên, tôi là một phàm phu sinh tử, trí tuệ cạn cợt, lời dạy của Phật sâu xa vi tế, tôi không dám tự chuyên, bèn thành tâm phát nguyện, thỉnh cầu sự linh nghiệm, sau đó mới dám biên soạn sớ giải: “Nam mô quy mạng tận hư không pháp giới, tất cả Tam Bảo, Thích Ca Mâu Ni Phật, A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, chư Bồ tát đại hải chúng của cõi Cực Lạc, cùng tất cả cảnh tượng trang nghiêm. Con nay muốn đề xuất yếu nghĩa của Quán Kinh, khái định cốt kim. Nếu như xứng đáng với ý nguyện Đại bi của chư Phật ba đời, Đức Phật Thích Ca, Đức Phật A Di Đà, v.v., xin trong giấc mộng, thấy được tượng trạng của cảnh giới giống như lời nguyện của con.” Sau khi phát nguyện trước tượng Phật, tôi bèn tụng kinh A Di Đà ba biến, niệm danh hiệu Phật A Di Đà ba vạn biến, chí tâm phát nguyện. Ngay đêm hôm đó, thấy trên không trung ở phía tây, các cảnh giới như trong lời nguyện đều hiện trước mắt, các núi báu nhiều màu, trùng trùng điệp điệp, đủ loại quang minh, chiếu xuống mặt đất, mặt đất màu vàng ròng, trên không có chư Phật Bồ tát, hoặc ngồi hoặc đứng, hoặc nói hoặc im lặng, hoặc cử động tay chân, hoặc đứng yên bất động. Thấy những cảnh giới ấy rồi, tôi bèn chấp tay đứng quán sát, sau một lúc rất lâu mới chợt tỉnh, trong lòng vui mừng khôn tả, và sau đó mới bắt đầu biên soạn phần Nghĩa Môn của Quán Kinh Sớ. Từ đó về sau, mỗi đêm, trong mộng thường thấy một vị tăng đến chỉ dạy về khoa văn của phần Huyền Nghĩa, sau

khi phân này hoàn tất, thì không còn thấy nữa.

Sau khi bản cáo của Quán Kinh Sớ hoàn thành, tôi lại chí tâm cầu trong bảy ngày bảy đêm thấy được điềm lành chứng minh. Mỗi ngày tôi tụng kinh A Di Đà mười biến, niệm danh hiệu Phật A Di Đà ba vạn biến. Vào cuối đêm thứ nhất, trong lúc thành tâm quy mệnh, quán tưởng cảnh tượng trang nghiêm của cõi Cực Lạc, thấy bên vệ đường, ba cõi xây đá tự chuyển động, hốt nhiên, lại thấy một người cõi lạc đà trắng đến trước mặt khuyến tấn: “Thầy phải nên nỗ lực, quyết định sẽ vãng sinh, chớ nên thoái chuyển, cõi này trước ác nhiều khổ, đừng nên tham luyến, v.v..” Tôi trả lời: “Nay nhờ hiền giả có lòng tốt chỉ bảo, nguyện trọn đời không dám sinh tâm giải đãi, kiêu mạn, v.v..” Đêm thứ hai, thấy Đức A Di Đà, thân màu vàng ròng, ngồi trên tòa sen vàng dưới cây thất bảo, mười vị tăng vây quanh, mỗi vị ngồi dưới một cây báu. Trên cành cây chỗ Phật ngồi, có treo nhiều thiên y, tôi ngồi xoay mặt hướng tây, chấp tay quán sát. Đêm thứ ba, thấy có hai cây bảo tràng, cao to chất ngất, trên có treo tràng phan ngũ sắc, đường xá ngang dọc, xa tít ngoài tầm mắt. Sau khi thấy những điềm lành này, tôi bèn đình chỉ, tuy là chưa hết thời hạn bảy ngày.

Những điềm lành thuật lại trên đây, vốn là vì chúng sinh chứ không phải vì chính mình. Tôi thấy được điềm lành, không dám dấu diếm, xin cung kính ghi lại phía sau quyển Quán Kinh Sớ, để cho đời sau được nghe biết. Nguyện chư chúng sinh nghe xong, sinh khởi lòng tin, những người thấy biết đều sinh Tịnh Độ, đồng thành Phật Đạo. Nghĩa lý này đã được thỉnh cầu sự chứng minh xong, mỗi câu mỗi chữ, không thêm không bớt. Vị nào muốn sao chép, phải nên y theo phương pháp sao chép kinh điển!”

Quán Kinh Sớ của ngài Thiệu Đạo là chỉ nam cho sự vãng sinh Tây Phương, là mắt, là chân cho hành giả, bởi vậy, hành giả tu hạnh vãng sinh Tây Phương, phải nên trân kính!

Trong đây mỗi đêm mộng thấy một vị tăng đến chỉ dạy phần Huyền Nghĩa, vị tăng đó có thể là Đức Phật A Di Đà. Nếu vậy, quyển Sớ này có thể gọi là A Di Đà Truyền Sớ, vả lại, đời Đường tương truyền rằng ngài Thiệu Đạo là hóa thân của Đức A Di Đà, nếu vậy, quyển Sớ này lại có thể gọi là A Di Đà Trực Thuyết Sớ.

Ở trên nói: “Muốn sao chép, phải nên y theo phương pháp sao chép kinh điển”. Đây là lời thành thực.

Ngược tìm bốn địa, Ngài là Pháp Vương của Bốn mươi tám nguyện, nói mười kiếp thành Phật, quyết định nương tựa câu Niệm Phật.

Cúi hỏi thù tích, Ngài là Đạo Sư của Chuyên tu Niệm Phật, giảng tám muôn chánh thọ, không chút nghi ngờ sự Vãng sinh.

Bốn môn, tích môn⁷ tuy khác, nhưng sự giáo hóa dẫn đạo thì giống nhau.

Bản đạo (Pháp Nhiên) đã đọc kỹ quyển Quán Kinh Sớ, tuy chỉ hiểu sơ sài vài ý chính, cũng đã vội vàng xả bỏ các tạp hạnh khác, quy tâm Niệm Phật. Từ đó đến nay, hoặc tự mình tu tập, hoặc dạy bảo người khác, cũng đều là một hạnh Niệm Phật. Đối với người đến hỏi đạo, chỉ bày cho họ tu hạnh vãng sinh, còn đối với người khế cơ, dạy bảo cho họ công hạnh Niệm Phật. Phần đông đều tin theo, nhưng vẫn có một số ít không tin.

Nên biết:

***Giáo lý Tịnh Độ, thích ứng thời cơ mà phát triển
Công hạnh Niệm Phật, tùy theo căn tánh mà đổi thay.***

Bản đạo tuy không cầu sự cung kính, nhưng cũng không có cách nào chối từ sự yêu cầu của đại chúng, bèn gom góp, chỉnh lý những lời dạy quan trọng, soạn thành tập sách này, thuật lại một cách dư thừa những yếu nghĩa Niệm Phật. Vả lại, bản đạo do vì chỉ quan tâm đến lời dạy bảo của hai Đức Như Lai, mà quên đi kiến thức hủ lậu của mình, đây quả thật là “không biết tự thẹn”. Cúi xin các bậc cao nhân sau khi xem xong, đem chôn kín vào góc tường, đừng để rơi rớt trước sân, e rằng những kẻ phá pháp, nhân vì hủy báng tập sách này, sẽ bị đọa vào ác đạo.

Chú thích:

1 Năm phiền não độn sử, tức là tham, sân, si, mạn và nghi; năm phiền não lợi sử, tức là thân kiến, biên kiến, tà kiến, thủ kiến và giới cấm thủ.

2 Bốn bộ luận: tức là Trung Luận, Bách Luận, Thập Nhị Môn Luận và Đại Trí Độ Luận.

3 Câu này chia làm ba phần: phần một là “phước thế gian”, gồm bốn điều, phần hai là “phước trì giới”, gồm ba điều, và phần ba là “phước hành trì”, gồm bốn điều.

4 Năm loại pháp sư: 1. pháp sư thối trì, 2. pháp sư đọc kinh, 3. pháp sư tụng kinh, 4. pháp sư giải thuyết, 5. pháp sư biên chép.

5 Mười loại pháp hành: 1. biên chép, 2. cúng dàng, 3. bố thí, 4. thỉnh cầu, 5. chuyên đọc, 6. thụ trì, 7. khai diễn, 8. phúng tụng, 9. tư duy, 10. tu tập.

6 Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, phần thượng phẩm thượng sinh nói: “Có ba hạng chúng sinh được sinh Cực Lạc: Một là có lòng thương xót, không giết hại, giữ tròn các giới hạnh, ... , ba là tu hành lục niệm, hồi hướng phát nguyện sanh về Cực Lạc.” Ở đây, theo ngài Pháp Nhiên, tu hành lục niệm là tu các công hạnh trong phần “phước hành trì” ở trên, chứ không phải là tu lục niệm theo ý nghĩa thông thường là “niệm Phật, niệm pháp, niệm tăng, niệm giới, niệm thí và niệm thiên”.

7 Bốn tích: tức là bốn địa và thù tích. Bồ tát từ sơ địa trở lên và chư Phật đều có chân thân và hóa thân, chân thân gọi là bốn địa, còn hóa thân gọi là thù tích (ứng hiện để hóa độ chúng sinh).

Bốn môn, tích môn (còn gọi là bốn địa môn và thù tích môn): các nhà chú giải kinh Pháp Hoa đều chia kinh này ra làm hai môn là bốn và tích. Tích môn là chỉ cho việc Đức Thích Ca từ sau khi thành đạo cho đến hội Pháp Hoa, những điều thuyết giảng về Tam thừa giáo trong hơn bốn mươi năm chỉ là phương tiện (tích), chỉ có Nhất thừa giáo mới là chân thực (bốn). Bốn môn là nói về việc Đức Thích Ca sinh tại Vương cung thành Phật chẳng phải là chân thực, mà Ngài thực sự đã thành Phật rất lâu xa về trước (bốn),

nay vì để tế độ chúng sinh cho nên mới thị hiện ứng thân mà thôi (tích).